**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
**----------**

ISO 9001 : 2008

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Trần Thị Hà**
Giảng viên hướng dẫn: **ThS.Đồng Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
**----------**

# HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên **: Trần Thị Hà**
Giảng viên hướng dẫn**: ThS.Đồng Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**
---

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Hà Mã SV: 110020

Lớp: QT1103K Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công

ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng sổ sách, số liệu năm 2010.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại.
- Địa chỉ: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2011***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

1. **Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

2. **Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):**

……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

3. **Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

……..
……..
……..

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011*
**Cán bộ hướng dẫn**
*(họ tên và chữ ký)*

# LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế kế hoạch hoá, Nhà nước cấp phát vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước để thực hiện các hoạt động kinh doanh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ mà các doanh nghiệp được giao.

Từ khi nền kinh tế Việt Nam chuyển sang cơ chế thị trường, đặc biệt là từ sau khi Nhà nước thực hiện "quy chế giao vốn" cho các doanh nghiệp Nhà nước (chỉ thị 138CT ngày 25/4/1991 của HĐBT) thì Nhà nước không tiến hành cấp phát thêm vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước nữa. Trên cơ sở vốn được giao, các doanh nghiệp phải có trách nhiệm bào toàn vốn, thường xuyên bổ sung vốn để đầu tư mở rộng, đổi mới công nghệ để phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Trên thực tế hiện nay, quan hệ tài chính giữa doanh nghiệp với ngân sách Nhà nước được thể hiện chủ yếu thông qua hoạt động: doanh nghiệp nộp thuế và các loại lệ phí cho ngân sách Nhà nước. Thuế là nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước và góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Những năm qua , hệ thống Pháp luật thuế ở nước ta đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung ngày càng phong phú và hoàn thiện hơn. Đặc biệt việc ban hành Luật thuế GTGT và có hiệu lực từ ngày 1/1/1999 thay thế thuế doanh thu, là một bước tiến mới trong ngành thuế nước ta.

Thuế GTGT là một sắc thuế mới có sự thay đổi cơ bản về nội dung, phương pháp tính thuế và biện pháp thu so với thuế doanh thu trước đây. Trong các doanh nghiệp, thuế GTGT đầu ra là trách nhiệm của doanh nghiệp phải nộp cho Ngân sách Nhà nước, thuế GTGT đầu vào là quyền lợi được trừ hay được hoàn lại của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào để luật thuế GTGT được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp. Những vấn đề đó phần lớn được thực hiện thông qua công tác kế toán thuế GTGT. Kế toán thuế GTGT là

công cụ quan trọng để thực hiện luật thuế mới vì nó liên quan tới tất cả các phần kế toán, từ hạch toán vốn bằng tiền, vật tư hàng hoá, TSCĐ, công cụ phải thu, phải trả, chi phí doanh thu và thu nhập các hoạt động khác, từ việc sử dụng các chứng từ hoá đơn đến nội dung, phương pháp hạch toán và lập báo cáo tài chính. Đặc biệt là việc lập các bảng kê và tờ khai thuế GTGT hàng tháng ở các cơ sở kinh doanh. Kết quả hạch toán thuế GTGT sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết qủa của các phần hành kế toán khác. Vì thế, các doanh nghiệp cần phải tổ chức công tác kế toán thuế GTGT một cách chính xác, kịp thời, phù hợp với ngành nghề, đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Nhận thức được vấn đề đó em xin mạnh dạn chọn đề tài:

" ***Hoàn thiện tổ chức công tác Kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại*** "

Nội dung của đề tài đề cập đến vấn tình hình và phát triển của Công ty, thực tế về kế toán thuế giá trị gia tăng, nội dung được trình bầy cụ thể như sau:

**Chương I**: Một số vấn đề lý luận về Thuế Giá Trị Gia Tăng và Tổ Chức Kế Toán Thuế Giá Trị Gia Tăng trong Doanh Nghiệp .

**Chương II**: Thực trạng công tác Kế toán Thuế tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại .

**Chương III**: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện Tổ Chức Công Tác Kế Toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại.

Được sự giúp đỡ nhiệt tình của **Cô giáo Th.s Đồng Thị Nga** và các anh chị trong phòng kế toán Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại., em đã hoàn thành chuyên đề này. Với kiến thức tích luỹ còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng và thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo, các anh chị trong phòng kế toán Công ty để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn !***

# PHẦN I

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG DOANH NGHIỆP

## 1.Lý luận chung về Thuế Giá Trị Gia Tăng.

### *1.1.Sơ lược vài nét về sự ra đời của Thuế Giá Trị Gia Tăng.*

Thuế Giá trị gia tăng được nghiên cứu rất sớm trên thế giới.Vào những năm 1918 TGTGT được đé xướng đầu tiên ở Đức. Vào năm 1947 một lần nữa được đề cập ở Mỹ. Năm 1953 ở Nhật có một đề án về TGTGT được trình lên Quốc hội và được thông qua. Năm 1954 Pháp bắt đầu áp dụng TGTGT và là nước đầu tiên áp dụng ở 2khâu : khâu sản xuất và ở những khâu sản xuất khác. Chỉ sau 1 thời gian ngắn TGTGT được áp dụng tại Việt Nam dưới chế độ nguỵ quyền Sài Gòn trên phạm vi toàn Việt Nam. Sau đó hai năm TGTGT mất hiệu lực trên phạm vi cả nước Việt Nam. Đến năm 1988 đã có 47 nước trên thế giới áp dụng phương pháp tính TGTGT. Hiện nay có hơn 120 nước áp dụng. Ở Châu Âu, 100% các nước áp dụng được gọi là Thuế Châu Âu.

### *1.2.Khái niệm TGTGT*

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ Thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hàng Luật Thuế giá trị gia tăng vào năm 1954. Thuế giá trị gia tăng theo tiếng Pháp gọi là : Taxe Sur La Valeur Tée ( viết tắt là TVA ), tiếng Anh gọi là Value Added Tax ( viết tắt là VAT ), dịch ta tiếng Việt là Thuế giá trị gia tăng. Khai sinh từ nước Pháp, Thuế giá trị gia tăng đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia trên thế giới áp dụng Thuế giá trị gia tăng.

Theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng thì Thuế giá trị gia tăng là một loại Thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào

Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

***1.3. Vai trò của Thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá :***

Luật Thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp Thuế. Do đó Nhà nước đánh Thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần dịch chuyển từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hoá chịu Thuế càng qua nhiều khâu thì số Thuế Nhà nước thu được cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng Thuế doanh thu dẫn đến tình trạng Thuế thu trùng lặo đối với phần doanh thu đã chịu Thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lý, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng hoá. Với tính ưu điểm của Thuế giá trị gia tăng là Nhà nước chỉ thu Thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất lưu thông mà không thu Thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình Thuế doanh thu.

***1.4.Vai trò của Thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế :***

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, do đó Thuế giá trị gia tăng có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau :

- Thuế giá trị gia tăng thuộc loại Thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho Ngân sách Nhà nước.

- Thuế tính trên giá bán hàng hóa hoặc dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý tương đối dễ dàng hơn các loại Thuế trực thu.

- Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp Thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số Thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.

- Thuế giá trị gia tăng cùng với Thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu Thuế đạt hiệu quả cao. Tuy vậy, ở khâu bán lẻ cuối cùng giá trị tăng thêm thường không lớn, số Thuế thu ở khâu này không nhiều.

- Thuế giá trị gia tăng thường có ít Thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng.

- Nâng cao tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp Thuế. Việc kiểm tra Thuế giá trị gia tăng cũng có mặt thuận lợi vì đã buộc người mua, người bán phải nộp và lưu trữ chứng từ, hoá đơn đầy đủ nên việc thu Thuế tương đối sát với hoạt động kinh doanh từ đó tập trung được nguồn thu Thuế giá trị gia tăng vào Ngân sách Nhà nước ngay từ khâu sản xuất và thu Thuế ở khâu sau, còn kiểm tra được việc tính Thuế, nộp Thuế ở khâu trước nên hạn chế được thất thu về Thuế.

- Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ; việc tính Thuế đầu ra được khấu trừ số Thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ.

- Việc khấu trừ Thuế đã nộp ở đầu vào còn có tác dụng khuyên khích hiện đại hoá, chuyên môn hoá sản xuất, tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để hạ giá thành sản phẩm.

- Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại Thuế khác như Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế xuất nhập khẩu … góp phần làm cho hệ thống chính sách Thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống Thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Nhìn chung trong các loại Thuế gián thu, Thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiến bộ nhất hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách Thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho Ngân sách Nhà nước, đơn giản, trung lập.

### *1.5. Cơ chế hoạt động của Thuế giá trị gia tăng :*

Cơ sở của Thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh Thuế. Nói cách khác, cơ sở của Thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của Thuế giá trị gia tăng được quy định như sau :

- Một trong những nguyên tắc cơ bản của Thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hoá dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng đều chịu Thuế như nhau.
- Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với Thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng ( dịch vụ ) lần đầu phải nộp Thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng ( cung ứng dịch vụ ). Còn người bán hàng ( dịch vụ ) ở các khâu tiếp theo đối với hàng hoá ( dịch vụ ) đó, chỉ phải nộp Thuế trên phần giá trị tăng thêm.
- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp Thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hoá, dịch vụ.
- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) nộp thay vào kho bạc Nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (hoặc trong dịch vụ) có cả Thuế giá trị gia tăng.

## 2.Nội Dung Cơ Bản Của Luật TGTGT tại Việt Nam

### *2.1. Đối tượng chịu TGTGT*

Đối tượng chịu Thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu Thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

***2.2. Người nộp TGTGT***

Người nộp Thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu Thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu Thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)

***2.3. Đối tượng không chịu TGTGT***

Có 25 loại hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu Thuế GTGT được phân làm các nhóm sau :

- **Nhóm 1** : Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng.

Ví dụ : Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

- **Nhóm 2 :** Hàng hoá dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.

Ví dụ 2 : Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.

Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.

- **Nhóm 3** : Đối tượng nộp Thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Ví dụ : Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê. Chuyển quyền sử dụng đất.

- **Nhóm 4 :** Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu

Ví dụ : Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

## ***2.4. Căn cứ và phương pháp tính TGTGT***

***Căn cứ tính Thuế GTGT là giá tính Thuế và Thuế suất.***

### *2.4.1. Giá tính TGTGT*

*Giá tính Thuế của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:*

*( Nguyên tắc: giá tính Thuế là giá chưa có Thuế GTGT )*

1. Đối với HHDV do CS SXKD bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:

Giá tính Thuế = giá chưa có Thuế GTGT ghi trên hoá đơn

2. Đối với HH nhập khẩu:

Giá tính Thuế = giá NK+ Thuế NK + Thuế TTĐB (nếu có)

3. Đối với HHDV chịu Thuế TTĐB:

Giá tính Thuế =giá chưa có Thuế GTGT + Thuế TTĐB

4. Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm:

Giá tính Thuế = giá bán trả 1 lần chưa VAT (không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

5. Đối với DV đại lý tàu biển, môi giới, ủy thác XNK và Dịch vụ khác hưởng tiền công, hoa hồng :

Giá tính Thuế = giá tiền công (hoa hồng) được hưởng chưa có VAT

6. Đối với HHDV dùng để trao đổi biếu tặng hoặc trả thay lương

Giá tính Thuế =giá tính Thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

7. Đối với DV cho thuê tài sản:

Giá tính Thuế = số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

8. Đối với HHDV cơ sở KD xuất để tiêu dùng, không phục vụ SXKD hoặc dùng SXKD HHDV không chịu VAT:

Giá tính Thuế = giá bán HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

9. Đối với hoạt động in

Giá tính Thuế = tiền công in (có thể gồm cả tiền giấy in)

10. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

Giá tính Thuế = giá bán – tiền sử dụng đất

11. Đối với DV du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại)

Giá tính Thuế = (giá trọn gói – chi phí thuộc đối tượng không chịu Thuế GTGT) / (1 + Thuế suất)

12. Đối với các HHDV sử dụng hoá đơn đặc thù:

Giá tính Thuế = giá bán/(1+ Thuế suất)

*2.4.2.Thuế suất TGTGT*

Mức Thuế suất TGTGT được áp dụng như sau:

a. Thuế suất 0% : Được áp dụng đối với hàng hoá xuất khẩu. Cụ thể được quy định như sau :

Được áp dụng đối với hàng hoá xuất khẩu, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu.. Hàng hoá dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả hàng gia công xuất khẩu, hàng hoá dịch vụ không thuộc diện chịu TGTGT Xuất Khẩu ( trừ một số dịch vụ theo quy định của thông tư 120/2003/TTBTC ngày 12/12/2003 ). -

- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (Dịch vụ vận chuyển đưa đón cán bộ công nhân viên, cung cấp xuất ăn cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp chế xuất…)

- Vận tải quốc tế.

b. Thuế suất 5% : Được áp dụng cho hàng hoá dịch vụ mang tính chất là nhu cầu thiết yếu của con người hoặc phục vụ những ngành nghề phát triển còn gặp nhiều khó khăn như :

1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước

uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức Thuế suất 10%.

2. Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.

3. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

5. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại.

6. Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá .

7. Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng.

8. Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gỉ đường, bã mía, bã bùn.

. Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp.

10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

11. Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ …

12. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho

giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.

13. Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

14. Đồ chơi cho trẻ em; Sách các loại, trừ sách không chịu TGTGT nêu tại phần trên.

15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên Internet.

c. Thuế suất 10% : Được áp dụng đối với hàng hoá dịch vụ thông thường phổ biến trong đời sống xã hội còn lại như : Dầu mỏ ,khí đốt ,sản phẩm điện tử , hoá chất, hàng may mặc, vàng bạc đá quý do cơ sở sxkd mua vào bán ra…

### *2.5. Đăng ký nộp TGTGT*

Cơ sở sxkd kể cả cơ sở trực thuộc cơ sở đó phải đi đăng ký nộp TGTGT với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo sự hướng dẫn của cơ quan Thuế. Đối với cơ sở sxkd mới thành lập, thời gian đăng ký chậm nhất là 10 ngày , kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp sát nhập ,hợp nhất ,chia tách ,giải thể, phá sản hoặc thay đổi sxkd, cơ sở sxkd phải khai báo với cơ quan Thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi xảy ra các trường hợp trên.

Cơ sở sxkd nộp Thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ nếu thực đầy đủ chế độ chứng từ HĐ, sổ sách, tự nguyện đăng ký áp dụng nộp Thuế theo phương pháp khấu trừ Thuế thì cơ quan Thuế xem xét để thực hiện.

### *2.6.Kê Khai TGTGT*

- Các cơ sở kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định .

- Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

- Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyến phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyến hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trươc khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá dịch vụ có mức thuế suất thuế GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất qui định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

***2.7. Nộp thuế***

- Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo đúng thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

Đối với những cá nhân (hộ) kinh doanh (trừ đối tượng nộp thuế có kê khai) ở địa bàn xa kho bạc Nhà nước hoặc kinh doanh lưu động, không thường xuyên thì cơ quan thuế tổ chức thu thuế và nộp vào ngân sách Nhà nước. Thời hạn cơ quan thuế phải nộp tiền thuế đã thu vào ngân sách Nhà nước chậm nhất không quá 3 ngày (kể từ ngày thu được tiền thuế); riêng đối với vùng núi, hải đảo, vùng đi lại khó khăn chậm nhất không quá 6 ngày kể từ ngày thu được tiền thuế.

- Đối với cơ sở sxkd có hàng nhập khẩu, người nhập khẩu hàng hoá phải nộp TGTGT theo từng lần nhập khẩu. Thời hạn thông báo và thời hạn nộp TGTGT đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo thời hạn thông báo và thời hạn nộp thuế nhập khẩu.

Đối với hàng hóa không phải nộp thuế nhập khẩu hoặc có thuế suất thuế nhập khẩu bằng 0% thì thời hạn phải kê khai, nộp thuế GTGT thực hiện như quy định đối với hàng hóa phải nộp thuế nhập khẩu.

Đối với hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch, nhập khẩu tiểu ngạch biên giới

không áp dụng hình thức thông báo nộp thuế phải kê khai, nộp thuế GTGT ngay khi nhập khẩu.

Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện không phải nộp thuế GTGT khi nhập khẩu như: nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu, quà biếu, quà tặng, hàng viện trợ nhân đạo, hàng hóa viện trợ không hoàn lại.v.v. nếu đem bán hoặc xuất dùng vào mục đích khác phải kê khai, nộp thuế GTGT với cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở như quy định đối với hàng hoá do cơ sở kinh doanh.

- Trong kỳ tính thuế, cơ sở sxkd nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, nếu có số thuế đầu vào lớn hơn đầu ra thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.Nếu kỳ trước nộp thiếu thì phải nộp đủ số thuế kỳ trước còn thiếu.

Cơ sở kinh doanh di chuyển đến địa phương khác (quận, huyện đối với đối tượng nộp thuế do chi cục thuế trực tiếp quản lý; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với đối tượng nộp thuế do cục thuế trực tiếp quản lý) phải nộp đủ số thuế GTGT còn thiếu và có xác nhận của cơ quan thuế trực tiếp quản lý trước khi chuyển trụ sở.

Đối với các cơ sở nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi chuyển trụ sở nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết hoặc nộp thừa thuế thì được khấu trừ hoặc bù trừ khi kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế trực tiếp quản lý tại địa phương nơi cơ sở chuyển đến. Cơ sở kinh doanh phải lập bản tổng hợp về số thuế phát sinh, số thuế đã nộp, số thuế nộp thừa gửi cục thuế xác nhận làm căn cứ kê khai tính thuế, nộp thuế với cơ quan thuế nơi cơ sở kinh doanh chuyển đến.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nếu trong kỳ tính thuế có số thuế đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế phải nộp đầu ra thì được kết chuyển số thuế đầu vào chưa khấu trừ hết vào kỳ tính thuế tiếp theo.

- Trong trường hợp cơ sở sxkd đầu tư mới tscđ, có số thuế đầu vào được khấu trừ lớn thì được trừ dần hoặc hoàn thuế theo quy định của Chính phủ.

- Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn, ổn định từ

200tr/tháng trở lên thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 5-10 ngày một lần và trong thơi hạn quy định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

- Thuế GTGT nộp vào ngân sách Nhà nước bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp cơ sở kinh doanh có doanh số bán hoặc mua hàng hoá, dịch vụ thanh toán bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu hoạt động mua, bán hàng hoá, dịch vụ bằng ngoại tệ để xác định thuế GTGT phải nộp.

### ***2.8.Thủ tục kê khai TGTGT***

Thực hiện theo chế độ cơ sở sxkd tự kê khai, tính thuế và cơ quan thuế ra thông báo nộp thuế, cơ sở nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế và thời hạn quy định.

### ***2.9.Miễn giảm TGTGT***

Có các trường hợp miễn giảm sau:

- Cơ sở sản xuất, vận tải, thương mại, du lịch, ăn uống những năm đầu áp dụng TGTGT mà bị thua lỗ do áp dụng TGTGT phải nộp lớn hơn số thuế tính theo mức doanh thu trước đây thì sẽ được xét giảm TGTGT.

- Mức giảm không vượt quá số lỗ phát sinh do nguyên nhân trên nhưng cũng không vượt quá 50% sồ TGTGT phỉa nộp trong năm.

- Một số sản phẩm hàng hoá dịch vụ gặp khó khăn được giảm 50% mức thuế suất trên giá bán hàng hoá dịch vụ như: hoạt động xây dựng lắp đặt, vận tải, bốc xếp, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt ở khâu thương mại…

### ***2.10. Quyết toán TGTGT***

Cơ sở sxkd phải thực hiện quyết toán thuế hàng năm cho cơ quan thuế. Năm quyết toán được tính theo năm dương lịch.Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, cơ sở sxkd phải nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế và phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào Ngân sách Nhà nước trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán thuế, nếu nộp thừa thì sẽ được

khấu trừ vào số thuế phải nộp ở kỳ tiếp theo.

Trong trường hợp hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, cơ sở sxkd phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế và gửi báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan nhà nước trong thời hạn 45ngày, kể từ ngày có quyết định trên.

***2.11. Hoàn TGTGT***

Theo Luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trượng hợp sau:

a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở lên có luỹ kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.

- Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.

b. Các cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, vật tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quí.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, giải thể, chia tách ...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế .

d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

e. Tổ chức cá nhân ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá dịch vụ tại Việt Nam.

**3. Phương Pháp Tính TGTGT**

***Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.***

***3.1.Phương pháp khấu trừ***

*3.1.1.Đối tượng*:

Áp dụng đối với các đơn vị thực hiện tốt chế độ kế toán, sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng và không thuộc đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

*3.1.2.Công thức xác định* :

**Thuế phải nộp = Thuế đầu ra - thuế đầu vào được khấu trừ**

- Thuế đầu ra = *Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá. dịch vụ đó.*
- Thuế đầu vào được khấu trừ = *Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào chịu thuế x Thuế suất thuế giá trị gia tăng.*

**a.Xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra :**

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền người mua phải thanh toán

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất mà CSKD bán HHDV chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- *Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ > mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên HĐ*
- *Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ < mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định*

**b.Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ :**

Chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng => chỉ được khấu trừ số thế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn … nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi ***hoá đơn GTGT không đúng quy định*** (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn ghi không đúng giá trị thực của HHDV mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được xử lý như sau :

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng .
- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào :

*Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = Doanh thu chịu thuế GTGT / Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ*

⇒ *Số thuế GTGT = Tổng số thuế GTGT x Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT*

*3.1.3.Điều kiện khấu trừ thuế :*

a) Có hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ.
- Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng; trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
- Trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

***3.2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng***

*3.2.1. Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT áp dụng đối với các đối tượng sau đây:*

a) Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

*3.2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp*

Số TGTGT phải nộp = Giá Trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ chịu Thuế bán ra x Thuế suất TGTGT của hàng hoá, dịch vụ đó

Trong đó :

Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được tiêu thụ trong kì = *giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra Trong kì (1)* - *giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng. (2)*

(1) : Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

(2) : Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng

giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra bằng (=) Doanh số tồn đầu kỳ, cộng (+) doanh số mua trong kỳ, trừ (-) doanh số tồn cuối kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) giá vốn hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ trừ (-) giá vốn của vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hoá, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hoá, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng.

➢ Ngoài ra, đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì :

Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được tiêu thụ trong kì = doanh thu thực tế hoặc doanh thu khoán x tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.

- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

➢ Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

## 4. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế

### *4.1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT.*

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của đồng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: Đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng,sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo qui định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà Nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: Đây là số tiền mà Nhà Nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở phần I, trên thực tế thì đây là một vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo qui định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng, bòn rút Ngân sách.

Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: Đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

### *4.2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT.*

*4.2.1.Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung :*

*4.2.1.1*Trách nhiệm :

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.

- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của

từng cơ sở.

- Kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu.

- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.

- Hàn tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.

- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.

- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.

- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.

- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.

- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất ( nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở ).

- Kiểm tra hoá đơn đầu vào ( sử dụng đèn cực tím ) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.

- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.

- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn thế để báo cáo Cục thuế.

- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyển không để hư hỏng thất thoát.

- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.

- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biệt thực hiện.

- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.

- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.

- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn ( mở sổ giao và ký nhận ).

- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.

- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.

- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.

*4.2.1.2.*Quyền hạn :

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hoá đơn cần điều chỉnh, hoặc thanh huỷ theo quy định của Luật thuế hiện hành.

- Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.

- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.

- Các công việc khác có liên quan đến thuế.

*4.2.1.3.*Mối liên hệ công tác :

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty : nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.

- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.

- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.

- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

*4.2.2 Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng :*

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng.Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

- Thứ hai: Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

- Thứ ba: Kê khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ

khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- Thứ tư: Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kê toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có....để vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hoà giữa chế độ và qui định của Nhà nước vời yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

## 5.Tổ Chức Kế Toán Thuế Tại Doanh Nghiệp

Doanh nghiệp tính Thuế theo Phương Pháp khấu trừ

### *5.1.Tổ chức chứng từ sử dụng*

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hoá đơn GTGT
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra
- Tờ khai thuế GTGT
- Quyết toán thuế GTGT
- ...

Các hoá đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hoá đơn

theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hoá đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hoá đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

***5.2. Tài khoản kế toán***

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 "Thuế GTGT được khấu trừ" và tài khoản 3331 "Thuế GTGT phải nộp" kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

*5.2.1.Tài Khoản 133 - Thuế Giá Trị Gia Tăng được khấu trừ.*

Tài khoản 133 dùng để phản án số TGTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ, còn khấu trừ.

Kết cấu TK 133 :

| Nợ | **TK133** | Có |
|---|---|---|
| SDĐK:<br><br>SPS tăng: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ. | | SDĐK:<br><br>SPS giảm: Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ:<br>- Khấu trừ thuế GTGT<br>- Hoàn thuế GTGT<br>- Phân bổ thuế GTGT |
| SDCK:- Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ. | | |

TK 133 có 2 TK cấp II:

- TK 1331-Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- TK1332- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

***Nguyên tắc hạch toán:***

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hoá, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK133 đối với vật tư, hàng hoá mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trong hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ảnh vào TK1421 "chi phí trả trước".

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn GTGT theo qui định hoặc có hoá đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hoá đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

*5.2.2 Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp.*

Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

Kết cấu TK 3331:

| Nợ | **TK3331** | Có |
|---|---|---|
| SPS giảm: Số TGTGT đầu vào đã được khấu trừ<br>- Thuế GTGT được miễn giảm.<br>- Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN.<br>- Số thuế GTGT hàng bị trả lại. | | SPS tăng: Số thuế GTGT đầu ra.<br>- Số thuế GTGT đầu ra phải nộp trong kỳ của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ, hàng hoá dịch vụ dùng để trao đổi biếu tặng, sử dụng nội bộ, hàng nhập khẩu.<br>- Số TGTGT phải nộp của thu nhập từ hoạt động tài chính. |
| SDCK: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách | | SDCK: Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ |

TK 3331 có 2 TK cấp III:

- TK 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

**** Nguyên tắc hạch toán:***

Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian qui định theo thông báo của cơ quan thuế.

*Một Số Nghiệp Vụ hạch toán chủ yếu:*

**Tài Khoản 133 :**

**1.** Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ trong nước dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 152, 153, 156, 611

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

2. Khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ dùng ngay vào SXKD. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ kế toán phản ánh giá mua thực tế chưa có thuế GTGT đầu vào và tổng giá thanh toán

Nợ TK 142, 154, 242, 642

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

3. Khi mua hàng hóa giao ngay( chuyển thẳng) cho khách hàng không qua nhập kho kế toán ghi:

Nợ TK 632

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

- Mua TSCĐ không qua lắp đặt, chạy thử:

Nợ TK 211

Nợ TK 133(2)

Có TK 111, 112, 331

- Mua TSCĐ qua lắp đặt chạy thử:

Nợ TK 241

Nợ TK 133(2)

Có TK 111, 112, 331

- Mua bất động sản đầu tư:

Nợ TK 217

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

4.Đối với vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua về dùng đồng thời cho SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT nhưng DN không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

- Khi mua hàng hóa ghi:

Nợ TK 152, 153, 156, 611

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

- Khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa doanh thu hàng chịu thuế so với doanh thu phát sinh trong kỳ, sau khi tính được số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ kế toán ghi:

+ Số thuế được khấu trừ:

Nợ TK 3331

Có TK 133

+ Số thuế không được khấu trừ:

- Nếu số thuế không được khấu trừ nhỏ thì tính hết vào giá vốn hàng bán:

Nợ TK 632

Có TK 133

- Nếu số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ lớn thì được phân bổ dần

Nợ TK 142, 242

Có TK 133

- Sang kỳ sau, kế toán tiến hành phân bổ vào giá vốn

Nợ TK 632

Có TK 142, 242

5. Trường hợp hàng mua phải trả lại cho người bán

- Khi xuất kho trả lại cho người bán:

Nợ TK 331

Có TK 152, 153, 156

Có TK 133

- Trường hợp người bán trả lại bằng hàng hóa khác:

Nợ TK 152, 153, 156

Nợ TK 133

Có TK 331

- Trường hợp người bán trả bằng tiền:

Nợ TK 111, 112

Có TK 331

6. Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào để xuất khẩu được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào khi đảm bảo có đủ điều kiện, thủ tục và hồ sơ để khấu trừ hoàn thuế đầu vào theo qui định hiện hành:

Nợ TK 111, 112: Số thuế GTGT được hoàn

Có TK 133: Thuê GTGT được hoàn

**Tài Khoản 3331 :**

1. Khi bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán phản ánh doanh thu bán hàng là tổng số tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ chưa có thuế GTGT và thuế GTGT đầu ra ghi:

Nợ TK 111, 112, 331: Tổng giá thanh toán

Có TK 511, 512: Giá chưa có thuế GTGT

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

2. Khi bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 511, 512

3. Đối với cơ sở kinh doanh trực tiếp bán lẻ hàng hóa, cung ứng dịch vụ….không có hóa đơn

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 511, 512

4. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT khi phát sinh chiết khấu thương mại hay giảm giá hàng bán cho khách hàng mua với số lượng lớn do mua hàng

nhiều lần của doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 532: Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331:

Có TK 111, 112, 331

Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại. giảm giá hàng bán sang tài khoản doanh thu:

Nợ TK 511

Có TK 521, 532

## *5.3.Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu*

### *5.3.1.Sơ đồ hạch toán TGTGT được khấu trừ :*

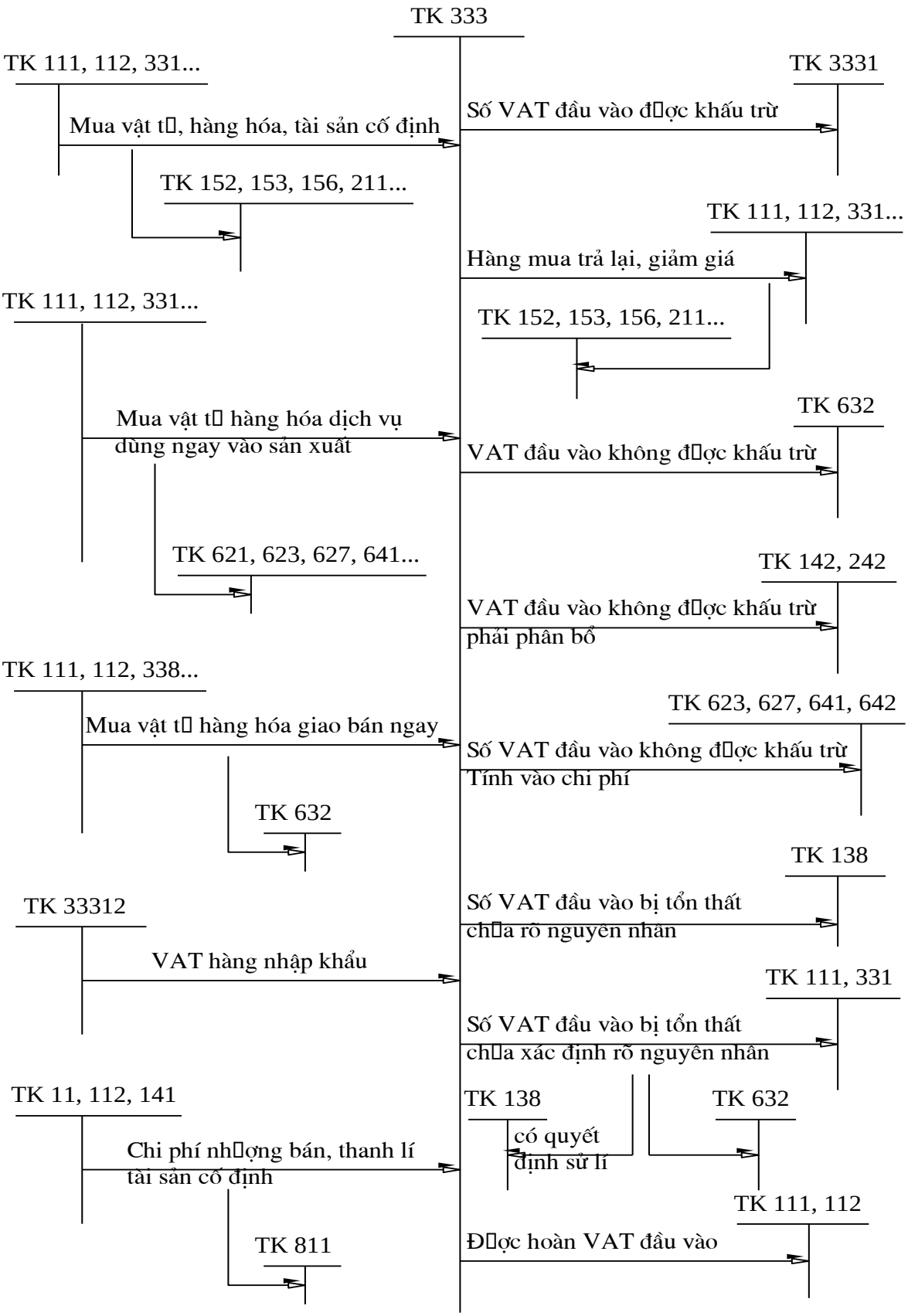


*Sơ đồ hoạch toán TK 133 thuế GTGT được khấu trừ*

*5.3.2.Sơ đồ hạch toán TGTGT phải nộp NSNN*

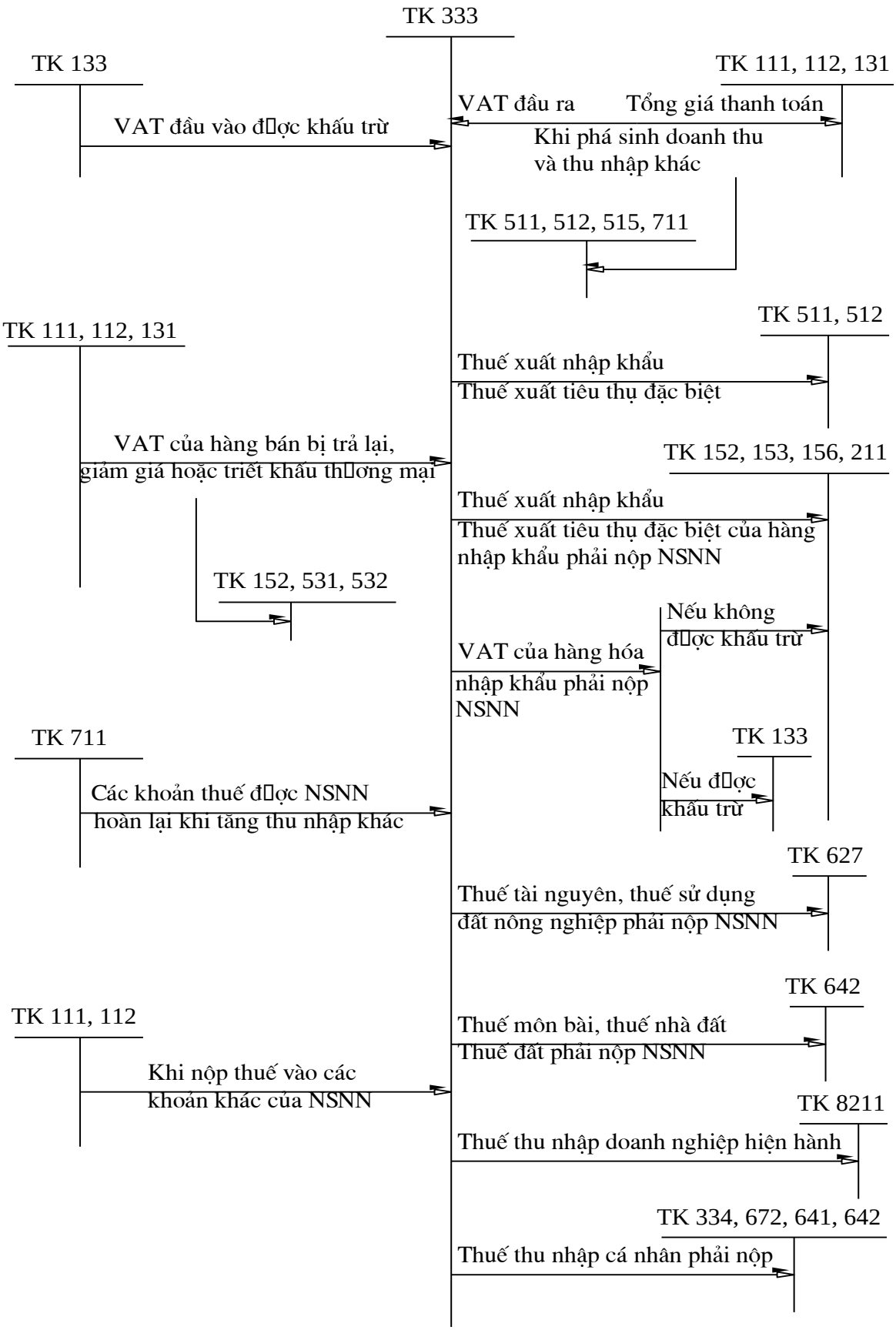


*Sơ đồ hoạch toán thuế GTGT và các khoản phải nộp NSNN*

*5.3.3. Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:*

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp thuế trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 33311 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

*Cuối kỳ sau khi xác định số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ :*

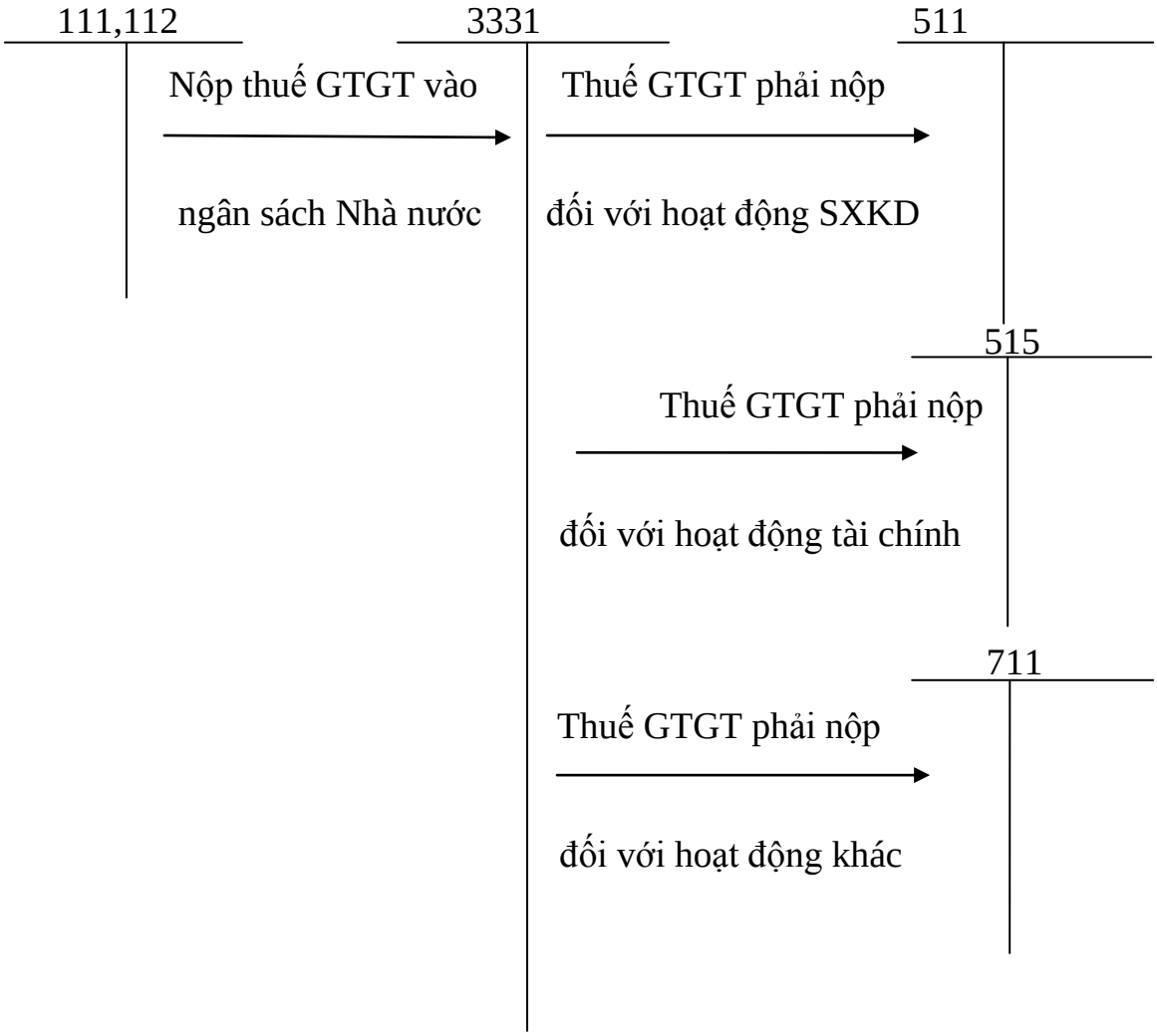

***5.4. Tổ chức sổ kế toán:***

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế giá trị gia tăng cũng khác nhau. Qui trình ghi sổ diễn ra như sau:

**Theo hình thức Nhật ký chung**

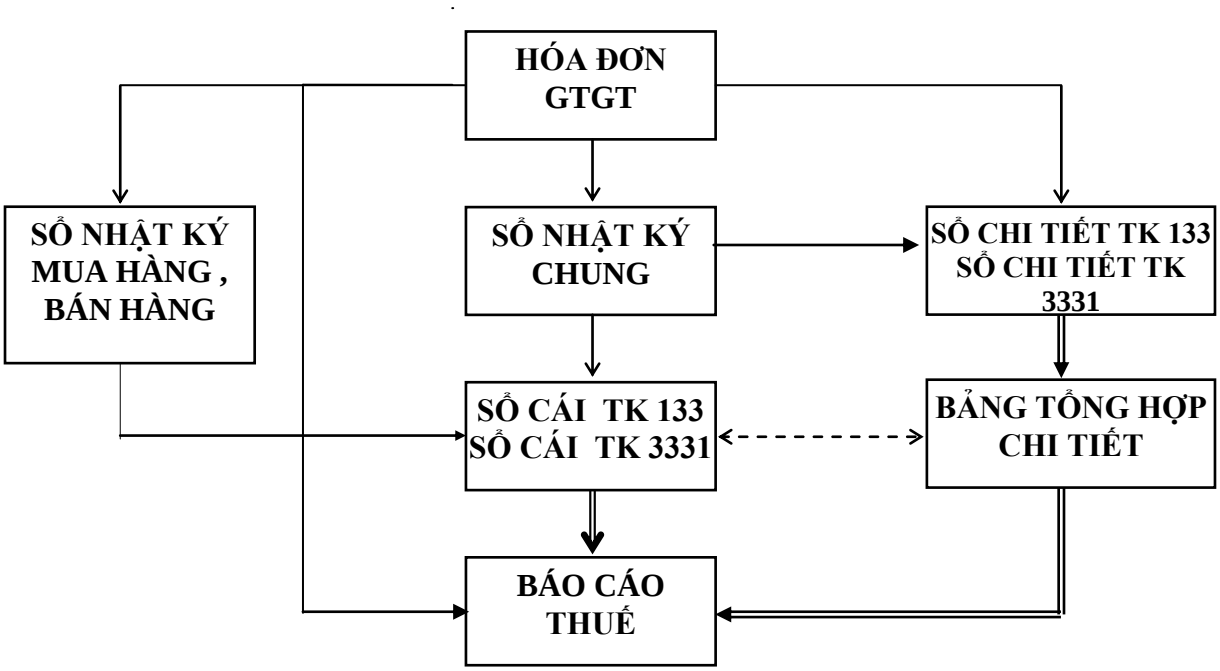


*Sơ đồ 1.1.Trình tự sổ kế toán TGTGT theo hình thức nhật ký chung.*

Ghi chú:

Ghi theo ngày

Ghi theo tháng, hoặc định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

Tùy theo quy mô của từng doanh nghiệp cũng như tính phức tạp trong công tác kế toán, doanh nghiệp có thể mở thêm các sổ chi tiết liên quan đến kế toán thuế GTGT như sổ chi tiết theo dõi thuế đầu vào, sổ chi tiết theo dõi thuế đầu ra, sổ theo dõi thuế GTGT phải nộp, được khấu trừ... Tuy nhiên phải đảm bảo sự thống nhất và hợp lý trong tổ chức sổ kế toán để nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức bộ máy kế toán và để công việc hạch toán kế toán thực sự là một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu của doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập hiện nay.

# PHẦN II

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

## 1.Tổng quan về Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

### *1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại*

**Tên và địa chỉ của Công ty**

Tên đầy đủ: Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

Tên giao dịch: Pha Lai Thermal Power Join-stock Company

Tên viết tắt: PLPC

Địa chỉ: Thị Trấn Phả Lại, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0320.3 881 126

Fax: 0320.3 881 338

Số ĐKKD: 0406000001 Cấp ngày 29/4/2005 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Tài khoản số: 421101110001 Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Chí Linh, Hải Dương.

Vốn điều lệ: 3,262,350,000,000 đồng

KL CP đang niêm yết: 326,235,000 cp

KL CP đang lưu hành: 325,154,614 cp

**Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của Công ty**

Nhà máy Nhiệt Điện Phả Lại (nay là Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại) được thành lập theo QĐ số 22 ĐL/TCCB của Bộ Điện Lực ngày 26/04/1982, là doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc vào Công ty Điện Lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 04 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (theo QĐ số 121 NL/TCCB – LĐ ngày 04 tháng 03 năm 1995 của Bộ Năng Lượng) hạch toán phụ thuộc.

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại hoạt động theo pháp luật, theo điều lệ tổ chức và theo quy chế quản lý của EVN. Giám đốc nhà máy là người lãnh đạo chịu trách nhiệm về mọi mặt trước Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và pháp luật.

Ngoài ra còn có hai Phó giám đốc giúp việc về vận hành và sửa chữa. Bên dưới là các phòng ban tham mưu, các đơn vị trực tiếp trong dây chuyền sản xuất và các đơn vị phụ trợ sản xuất.

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại có 2 dây chuyền sản xuất riêng biệt. Dây chuyền I được chính thức khởi công xây dựng tháng 5/1980, với 4 tổ máy do Liên Xô chế tạo và giúp đỡ, công suất thiết kế là 440MW, mỗi tổ máy là 110MW. Tổ máy số 1 được đưa vào vận hành tháng 10/1983, lần lượt sau đó mỗi năm thêm một tổ máy được đưa vào vận hành, tổ máy số 4 được đưa vào vận hành tháng 11/1986. Dây chuyền II được khởi công xây dựng tháng 5/1998, với 2 tổ máy công suất thiết kế 600MW, mỗi tổ máy công suất 300MW. Tổ máy số 1 của dây chuyền II được đưa vào vận hành vào tháng 10/2001 và tổ máy số 2 đưa vào vận hành tháng 5/2002. Tổng công suất của 2 dây chuyền sản xuất điện của công ty là 1040MW.

Ngày 30/03/2005 Bộ Công nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18/05/2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/07/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0403000380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006.

Ngày 15/5/2006, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty bắt đầu niêm yết với mã chứng khoán PPC ngày 19/05/2006 trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh. Tổ chức tư vấn: công ty chứng

khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Kiểm toán độc lập: công ty kiểm toán Việt Nam (VACO).

Ngày 17/01/2007 Ủy ban chứng khoán Nhà nước có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại.

Căn cứ tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hoá theo quy định tại điều 3 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần là: Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

### ***1.2. Chức năng nhiệm vụ của Công ty***

Hiện nay Công ty đang đứng trước những vận hội mới và thách thức mới, khi Việt Nam tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, hội nhập khu vực mậu dịch tự do (AFTA), gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) và phấn đấu vươn lên xây dựng CNXH. Điện năng là một phần tất yếu của sự nghiệp phát triển kinh tế nước ta trong những năm tới. Để góp phần vào công cuộc xây dựng CNXH thành công, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước, Công ty có trách nhiệm phải đáp ứng đủ yêu cầu sản xuất điện năng phục vụ sinh hoạt cũng như sản xuất để phát triển kinh tế xã hội.

Chức năng chính của Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện.
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình nhiệt điện, các công trình kiến trúc Nhà máy điện.
- Mua bán vật tư, thiết bị.

Với các chức năng đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại có những nhiệm vụ chính sau:

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn được giao.
- Đẩy mạnh đầu tư, mở rộng sản xuất, đổi mới thiết bị, áp dụng nền khoa học tiên tiến, công nghệ mới nhằm mục đích nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm để kinh doanh có hiệu quả.

- Thực hiện phân phối theo lao động, chăm lo đời sông vật chất cho cán bộ công nhân viên, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, khoa học kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.

- Bảo vệ công việc sản xuất của Công ty, bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự an toàn Công ty, giữ gìn an ninh chính trị, làm tròn nghĩa vụ quốc phòng đối với đất nước.

Những nhiệm vụ quan trọng trên đòi hỏi Công ty phải có những phương hướng và biện pháp nhằm hoàn thiện bộ máy tổ chức quản lý vững mạnh để đáp ứng những nhiệm vụ nói trên.

***1.3 Đặc điểm cỏ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty :***

Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm nhiều bộ phận ,giữa các bộ phận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và được phân thành các khâu ,các cấp quản lý với những chức năng và quyền hạn nhất định nhằm thực hiện mục tiêu đề ra.

Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm :

- Hội Đồng Quản Trị : 7 người
- Ban Giám Đốc : 3 người

Trong đó :

-**Đại hội đồng cổ đông**: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu HĐQT, bầu kiểm soát viên.

-**Hội đồng quản trị**: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

-**Ban giám đốc công ty**: Là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch và người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty. GĐ chịu trách nhiệm trước HĐQT và đại hội đồng cổ đông về trách nhiệm quản lý và điều hành của công ty

***- Khối các đơn vị quản lý nghiệp vụ, kỹ thuật nghiệp vụ bao gồm***:

**+ Văn phòng:** Thực hiện các chức năng hành chính- quản trị- đời sống- y tế - đôi ngoại.

+ **Phòng tổ chức lao động**: Thực hiện các chức năng trong công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, thanh tra bảo vệ cán bộ và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.

+ **Phòng kế hoạch - Vật tư**: Thực hiện các chức năng kế hoạch, quản lý, cung ứng vật tư, nhiên liệu, xuất nhập khẩu thiết bị, các chức năng kinh doanh khác.

+ **Phòng tài chính- Kế toán:** Thực hiện thanh quyết toán các chế độ tiền lương, tiền công của toàn công ty, thực hiện hạch toán kế toán theo đúng chế độ Nhà nước cũng như của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thực hiện thanh quyết toán các công trình sửa chữa lớn thường xuyên cũng như sửa chữa lớn máy móc thiết bị trong công ty…

+ **Phòng Kỹ thuật:** Giám sát, quản lý các hồ sơ kỹ thuật, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cũng như các quy trình vận hành, quy trình nhiệm vụ của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty ở các chức danh khác nhau. Xác nhận khối lượng công việc hoàn thành sau sửa chữa để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán các công trình sửa chữa.

+ **Phòng bảo về cứu hoả:** Thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an toàn tài sản, an toàn sản xuất, giữ gìn an ninh trật tự trong công ty, trực cứu hoả, tự về quân sự địa phương và các nhiệm vụ khác có liên quan.

***- Khối các phân xưởng:***

+ **Phân xưởng vận hành 1:** Có nhiệm vụ quản lý và vận hành toàn bộ các thiết bị chính và phụ của lò hơi, tua bin, các thiết bị thuỷ lực của các tổ máy1,2,3,4( dây chuyền một).

+ **Phân xưởng vận hành 2:** Có nhiệm vụ quản lý, vận hành toàn bộ các thiết bị chính và phụ của các tổ máy 5 và 6 ( dây chuyền 2) trừ thiết bị đường sắt.

+ **Phân xưởng hoá**: Là đơn vị có nhiệm vụ quản lý, vận hành toàn bộ thiết bị hóa của dây chuyền sản xuất 1 như thiết bị xử lý nước sơ bộ, thiết bị khử muối, phòng thí nghiệm hoá. Đồng thời thực hiện các thí nghiệm hoá để kiểm tra thông số kỹ thuật nước, hơi, than ( nhập và đốt lò), dầu, khí phục vụ sản xuất của nhà máy.

+ **Phân xưởng nhiên liệu:** Có nhiệm vụ quản lý, vận hành toàn bộ thiết bị cung cấp nhiên liệu của cả dây chuyền 1 bao gồm các thiết bị cẩu bốc xếp

than, hệ thống băng tải, máy cấp, quang lật toa, thiết bị đường sắt, các kho than nguyên…Đồng thời tham gia vào việc lấy mẫu than nhập phục vụ việc thí nghiệm kiểm tra và đo kiểm tiếp nhận than.

**+ Phân xưởng vận hành Điện- kiểm nhiệt:** Có nhiệm vụ quản lý vận hành toàn bộ thiết bị bao gồm: Máy phát, máy kích thích, các trạm biến áp, thiết bị đóng cắt và các thiết bị kiểm nhiệt như: đo lường, bảo về tự động của các tổ máy thuộc các dây chuyền sản xuất số 1. Đồng thời quản lý vận hành và sửa chữa toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc của nhà máy ( dây chuyền 1).

*Sơ đồ2. 1..Cơ cấu tổ chứ bộ máy điều hành công ty :*

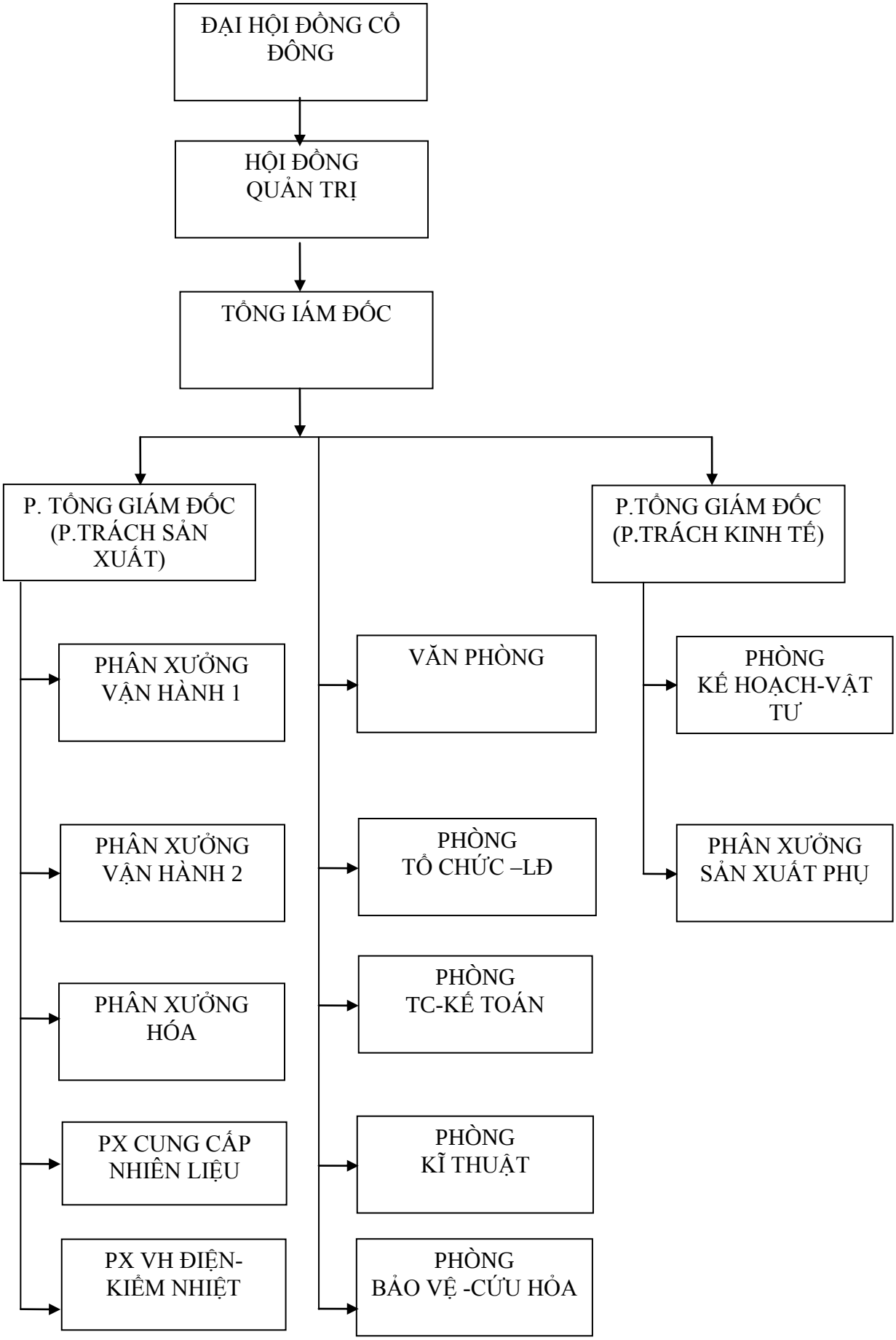

## 1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

### *1.4.1. Đặc điểm bộ máy tổ chức kế toán tại Công ty :*

Khối lượng công tác kế toán và phần hành kế toán là căn cứ để xây dưng bộ máy kế toán thích hợp. Xuất phát từ đặc diểm kinh doanh và tổ chức quản lý ,Công ty đã áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung ,nghĩa là kế táon trưởng trucj tiếp điều hành các kế toán viên phần hành .Phòng kế toán được đặt dưới sự lãnh đạo của giám đốc Công ty và toàn bộ nhân viên kế toán được đặt dưới sự lãnh đạo của kế toán trưởng .Hình thức này giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra chỉ đạo hạch toán các nghiệp vụ kế toán của kế toán trưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nói chung và của công tác kế toán nói riêng.

Bộ máy kế toán bao gồm 16 người ,trong đó gồm : 01 kế toán trưởng , 01kế toán tổng hợp ,01 thủ quỹ ,13 kế toán viên chia thành 4 phòng theo sơ đồ sau :

*Sơ đồ 2.2.Cơ cấu tổ chứ kế toán tại công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại*

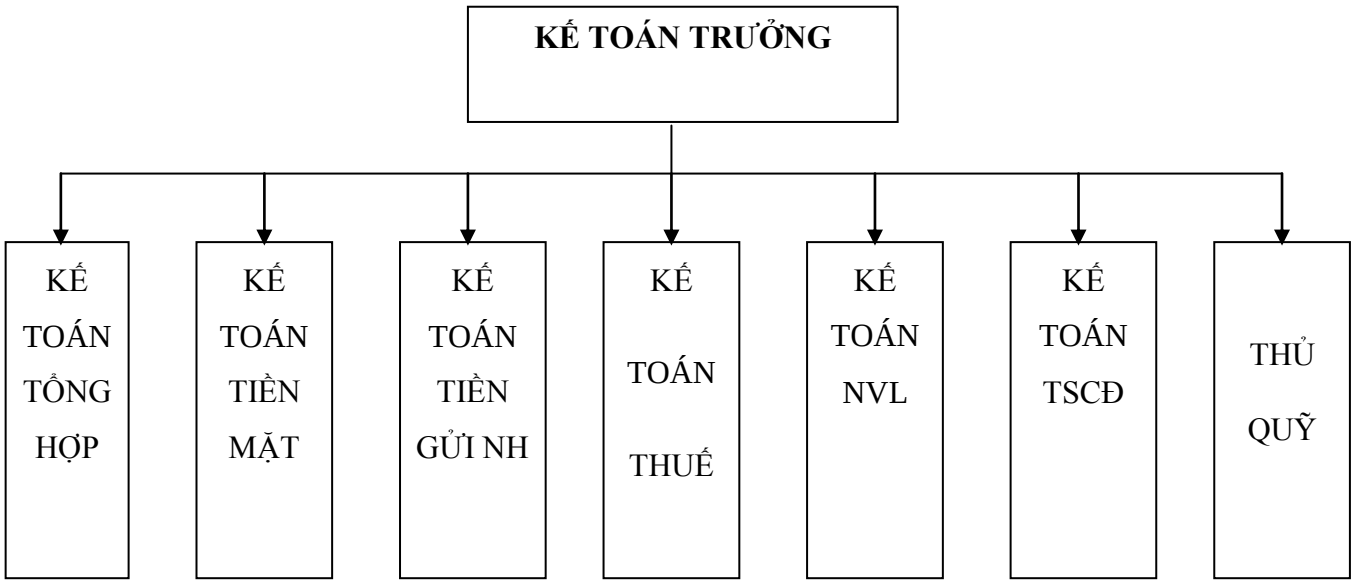


*Trong đó :*

- **Trưởng phòng kế toán** : Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước ban lãnh đạo công ty về tình hình tài chính của công ty. Trực tiếp quản lý các nhân viên trong phòng Kế toán; giúp giám đốc về mặt cân đối tài chính của công ty; tham mưu đắc lực về việc sử dụng vốn kinh doanh thế nào cho hiệu quả nhất.

- **Kế toán tổng hợp**: Ghi sổ chi tiết, sổ tổng hợp chi phí sản xuất phát sinh

trong kỳ, tính giá thành sản phẩm theo từng đơn đặt hàng, theo dõi tình hình tăng giảm tài sản, khấu hao tài sản. Hàng quý lập báo cáo tài chính lên cấp trên.

- **kế toán tiền gửi Ngân Hàng :** Thực hiện các giao dịch Ngân Hàng.

- **Kế toán tiền lương:** Tính đúng số lương phải trả công nhân viên trong tháng, lập bảng phân bổ tiền lương để phân bổ chi phí nhân công vào giá thành sản phẩm. Và tính đúng, tính đủ số BHXH, BHYT, KPCĐ. Tính phần BHXH, BHYT mà CBCNV phải nộp và phân bổ vào giá thành sản phẩm.- **Kế toán tiền mặt**: Theo dõi tình hình tăng, giảm, thu, chi các khoản tiền mặt.

-**Kế toán thuế:** Tiếp nhận hồ sơ về thuế đầu vào và đầu ra từ các bộ phận có liên quan, làm báo cáo nộp cục thuế, lập tờ khai thuế, lập báo cáo thu nộp ngân sách, chuyển báo cáo cho kế toán tổng hợp.

- **Kế toán nguyên vật liệu:** Nhận phiếu nhập kho, xuất kho, kiểm tra thẻ kho, ký nhận, nhập dữ liệu và hạch toán vào máy tính, kiểm tra, đối chiếu các số liệu liên quan, tham gia kiểm kê kho...

- **Kế toán tài sản cố định:** Theo dõi sự tăng giảm TSCĐ, trích khấu hao hàng tháng, lập và lưu giữ các chứng từ liên quan đến TSCĐ.

.- **Thủ quỹ:** Tiếp nhận và kiểm tra các chứng từ thu chi tiền mặt, thực hiện việc thu tiền, chi tiền, cập nhật chứng từ thu chi và báo cáo tình hình quỹ trong ngày...

*1.4.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán*

Công tác kế toán của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại tuân thủ theo đúng những quy định mà Bộ Tài Chính quy định:

- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên , tính giá hàng xuất kho theo phương pháp….

- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ : Các TSCĐ khác nhau có tỷ lệ tính KH khác nhau tuỳ thuộc vào giá trị ,nhưng tất cả đều được áp dụng phương pháp tính KH nhất quán là phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng.

- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của Công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng BTC.

- Hình thức kế toán Công ty áp dụng là hình thức " Nhật ký chung". Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là : tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi sổ Cái và sổ Chi tiết của các tài khoản , đối tượng có liên quan.

- Các loại sổ kế toán củ yếu : Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, các sổ, Thẻ kế toán chi tiết…

- Hàng ngày được căn cứ vào các chứng từ kế toán phát sinh, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó từ Nhật ký chung chuyển từng số liệu để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý,cuối năm công số liệu trên sổ cái lâp Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ Cái và bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết ) dùng để lập các BCTC. Về Nguyên tắc tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật k ý chung cùng kỳ kế toán.

***Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại:***

*Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán*

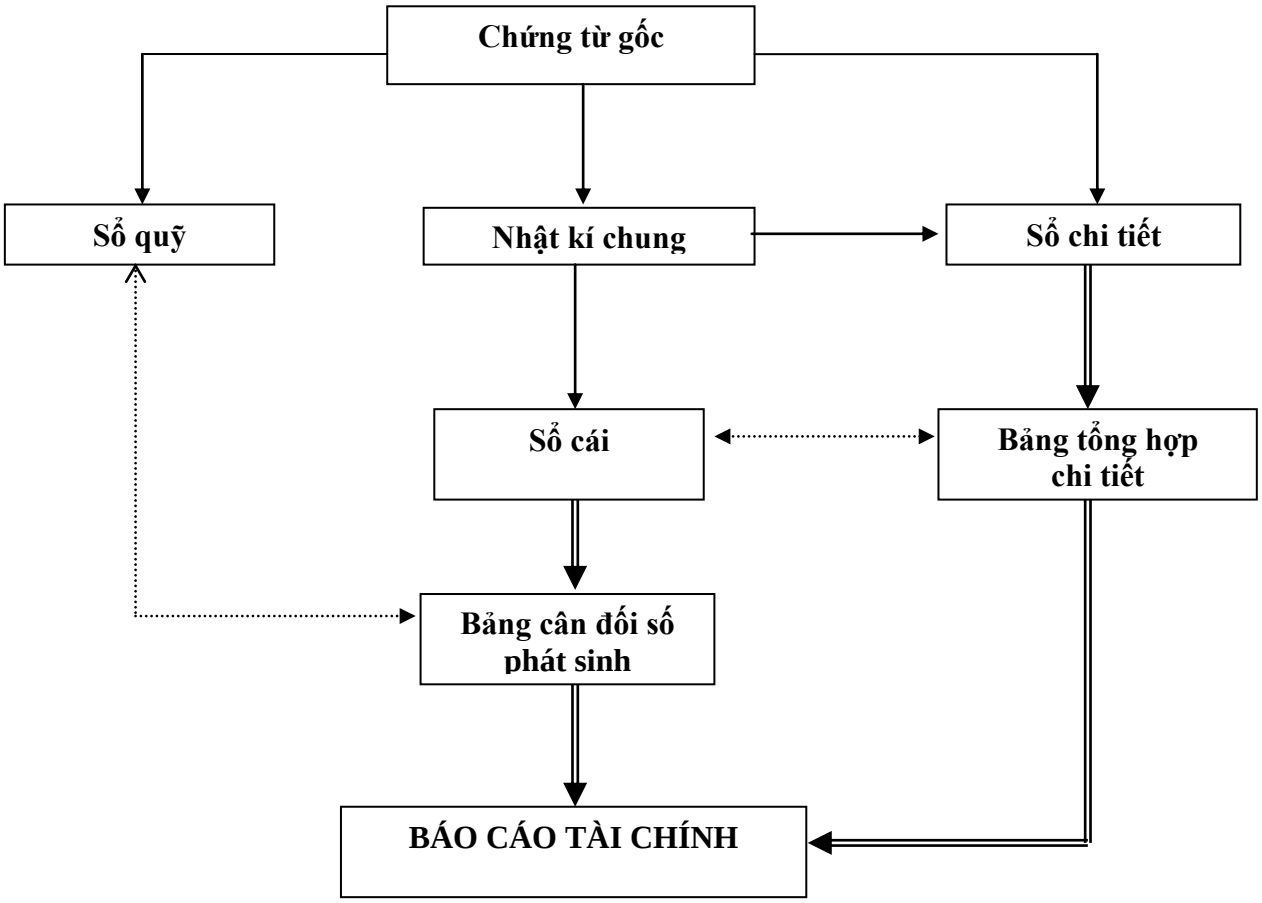


Ghi chú:

Ghi theo ngày

Ghi theo tháng, hoặc định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

## 2. Tình hình thực hiện công tác Kế Toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại.

### *2.1.Các mức thuế suất:*

Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại hiện đang áp dụng mức Thuế suất 5%, 10%.

*2.1.1.Mức Thuế suất 5%:*

Công ty áp dụng mức Thuế suất 5% cho mặt hang bán ra là : Nước .

Không có mặt hàng mua vào.

*2.1.2.Mức Thuế suất 10%:*

Công ty áp dụng mức Thuế suất này cho tất cả các mặt hàng mua vào bán ra còn lại của công ty.

Đối với hàng mua vào :

- Dầu diezen, mỡ kluberfluid, dầu RP7, dầu nhờn, dầu F0, dầu, than cám 5, khí công nghiệp, thép các loại, hoá chất, sơn, các loại văn phòng phẩm….
- Các loại cước dịch vụ vận chuyển, dịch vụ viễn thông, dịch vụ môi trường…

Đối với hàng bán ra :

- Điện năng, phế liệu, xỉ than, tiền thuê văn phòng, thạch cao, tro bay….

***2.2 Tài khoản sử dụng,sổ sách kế toán và sơ đồ hạch toán:***

*2.2.1.Tài khoản sử dụng :*

TK 133 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp NSNN

*2.2.2.Sổ sách kế toán* :

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản TK 133, TK 3331, Sổ chi tiêt TK 133, TK 3331

- HĐGTGT, Bảng kê mua vào (mã số 03/GTGT), Bảng kê bán ra (mã số 02/GTGT), Tờ khai thuế…

*2.2.3.Sơ đồ hạch toán :*

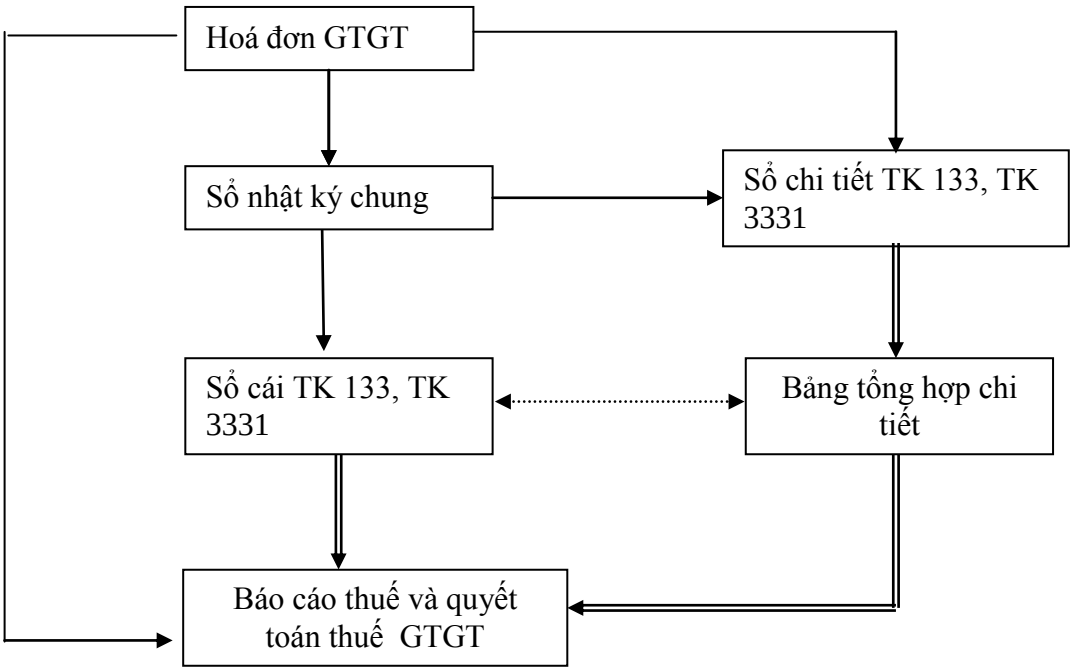


*Sơ đồ 2.4.Trình tự sổ kế toán TGTGT theo hình thức nhật ký chung.*

Ghi chú:

Ghi theo ngày

Quan hệ đối chiếu

Ghi theo tháng

Số liệu để vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra. Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, kế toán tiêu thụ sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng (GTGT) để vào sổ chi tiết bán hàng, kế toán thanh toán, kế toán tiền mặt, kế toán ngân hàng sẽ tiến hành vào sổ công nợ, sổ tiền mặt, sổ tiền gửi Ngân hàng sau đó chuyển hoá đơn đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 3331. Khi có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến mua hàng hoá, dịch vụ, kế toán vật liệu sẽ căn cứ vào phiếu nhập kho để và sổ chi tiết vật liệu, kế toán chi phí sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT để vào sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh, và các bộ phận kế toán thanh toán sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT và phiếu chi để vào sổ chi tiết thanh toán, sổ quỹ tiền mặt... sau đó hoá đơn GTGT được chuyển đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 133...

*2.2.4.Ví dụ :*

**1. Chứng từ hàng bán ra:**

***Ví Dụ 1:***

Ngày 11/10/2010 Công ty bán 890 khối nước cho Nguyễn Thị Ngọc với đơn giá là 3.000đ/1 khối nước(thuế suất 5%), giá vốn là 2.358.500 theo HĐ 0014842. Đã thu bằng TM .

*Kế toán ghi :*

Nợ TK 632 : 2.358.500
Có TK 155-N: 2.358.500
Nợ TK 111 : 2.803.500
Có TK 3331 : 133.500
Có TK 511 : 2.670.000

***Ví Dụ 2:***

Ngày 20/10/2010 Công ty bán 15 tấn xỉ than cho Nguyễn Văn Thanh đơn giá là 42.857đ /tấn , thuế suất 10%, theo HĐ 0014930.Giá vốn là 454.290 đ .Đã thanh toán bằng tiền mặt.

*Kế toán ghi:*

Nợ TK 632 : 454.290
Có TK 155-X : 454.290
Nợ TK 111 : 707.141
Có TK 3331 : 64.286
Có TK 511 : 642.855

***Ví Dụ 3:***

Ngày 29/10/2010 Công ty bán 192 tấn tro bay Cty TNHH TM và sx Hải Sơn theo HĐ 0014935 .đơn giá là 57.154 đ/ tấn. Giá vốn là 7.681.498 đ .Thu bằng chuyển khoản.

*Kế toán ghi:*

Nợ TK 632 : 7.681.498
Có TK 155-T : 7.681.498
Nợ TK 112 : 12.072.912
Có TK 3331 : 1.097.546
Có TK 511 : 10.975.456

*Biểu 1.1*

**HÓA ĐƠN**
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 3 : ( Nội bộ)
*Ngày11 tháng 10 năm 2010*

***Mẫu số 01 GTKT - 3 LL***
***RD/2010B***
***0014842***

Đơn vị bán hàng :**Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Địa chỉ :**Phường Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương**

Số tài khoản:……

Điện thoại :…….MST

| 0 | 8 | 0 | 0 | 2 | 9 | 6 | 8 | 5 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ và tên người mua hàng : **Nguyễn Thị Ngọc**

Tên đơn vị :……

Địa chỉ :……

Hình thức thanh toán :...TM

MST

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| 1. | Nước | Khối | 890 | 3.000 | 2.670.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | Cộng tiền hàng: | | 2.670.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 133.500 |
| | | | Tổng cộng tiền thanh toán : | | 2.803.500 |
| Số tiền viết bằng chữ : hai triệu tám trăm linh ba nghìn năm trăm đồng chẵn./ | | | | | |

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) |

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)*

*Biểu 1.2*

**HÓA ĐƠN**
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 3 : ( Nội bộ)
*Ngày20 tháng 10 năm 2010*

***Mẫu số 01 GTKT - 3 LL***
***RD/2010B***
***0014930***

Đơn vị bán hàng :**Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Địa chỉ :**Phường Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương**

Số tài khoản: ……

Điện thoại :…….MST

| 0 | 8 | 0 | 0 | 2 | 9 | 6 | 8 | 5 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ và tên người mua hàng : **Nguyễn Văn Thanh**

Tên đơn vị :……

Địa chỉ :……

Hình thức thanh toán :...TM

MST

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| 1. | Xỉ than | Tấn | | | 642.855 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 642.855 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 64.286 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 707.141 |
| Số tiền viết bằng chữ : bảy trăm linh bảy nghìn một trăm bốn mốt đồng chẵn./ | | | | | |

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) |

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)*

*Biểu 1.3*

**HÓA ĐƠN**
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 3 : ( Nội bộ)
*Ngày29 tháng 10 năm 2010*

***Mẫu số 01 GTKT - 3 LL***
***DR/2010B***
***0014935***

Đơn vị bán hàng :**Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Địa chỉ :**Phường Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương**

Số tài khoản :421101110001……

Điện thoại :……MST

| 0 | 8 | 0 | 0 | 2 | 9 | 6 | 8 | 5 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ và tên người mua hàng : …….

Tên đơn vị : **Cty TNHH YM và SX Hải Sơn**……..

Địa chỉ :Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương……

Số tài khoản : *0200562944*……..

Hình thức thanh toán :...TGNH

MST

| 0 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 7 | 9 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| 1. | Tro bay | Tấn | 192 | 57.154 | 10.975.456 |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 10.975.456 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 1.097.546 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 12.073.002 |
| Số tiền viết bằng chữ *: Mười hai triệu không trăm bảy mươi ba nghìn không tăm linh hai đồng chẵn./* | | | | | |

Người mua hàng (Ký,ghi rõ họ tên) | Người bán hàng (Ký,ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị (Ký,ghi rõ họ tên)

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)*

**2. Chứng từ mua vào :**

*Ví Dụ 1:*

Ngày 30/09/2010 Công ty mua 1.292,5 tấn Than cám 5 của Công ty Kho Vận Hòn Gai theo HĐGTGT 0003001 thanh toán bằng TGNH ,đơn giá 520.000 đ/tấn chưa bao gồm thuế VAT 10% .

*Kế toán định khoản:*

Nợ TK 152 : 672.100.000

Nợ TK 1331 : 67.210.000

Có TK 112: 739.310.000

*Ví Dụ 2:*

Ngày 11/10/2010 Công ty mua 960 kg DầuRP7 của Công ty TNHH Tân Bình theo HĐGTGT 0017087 thanh toán bằng TGNH ,đơn giá 12.500 đ/kg chưa bao gồm thuế VAT 10% . ( *kế toán định khoản tương tự ).*

*Ví Dụ 3:*

Ngày 12/10/2010 Công ty mua 2.160 lít Dầu nhớt của Công ty TNHH Đạt Vinh Xương theo HĐGTGT 00121333 thanh toán bằng TGNH ,đơn giá 14.200 đ/lít chưa bao gồm thuế VAT 10% . ( *kế toán định khoản tương tự ).*

*Biểu 2.1*

**HÓA ĐƠN**
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 2 : ( Giao khách hàng)
*Ngày 30 tháng 09 năm 2010*

***Mẫu số 01 GTKT - 3 LL***
***AA/2009B***
***0003001***

Đơn vị bán hàng :Cty Kho Vận Hòn Gai…….

Địa chỉ : Hòn Gai – Quảng Ninh……..

Số tài khoản: 0200 036 38831……..
Điện thoại :…….

MST

| 5 | 7 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 2 | 5 | 6 | 0 | 4 | 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ và tên người mua hàng : …….

Tên đơn vị : **Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại** ……..

Địa chỉ :… **Phường Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương** ……..

Hình thức thanh toán :...TGNH……

Số tài khoản: 421101110001……

MST

| 0 | 8 | 0 | 0 | 2 | 9 | 6 | 8 | 5 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| 1. | Than cám 5 | Tấn | 1.292,5 | 520.000 | 672.100.000 |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: 672.100.000 | | | | | |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 67.210.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 739.310.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : *bảy trăm ba chín triệu ba trăm mười nghìn đồng chẵn./* | | | | | |

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) |

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)*

*Biểu 2.2*

**HÓA ĐƠN**
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 2 : ( Giao khách hàng)
*Ngày 11 tháng 10 năm 2010*

***Mẫu số 01 GTKT - 3 LL***
***LM/2010B***
***0017087***

Đơn vị bán hàng :Cty TNHH Tân Bình……

Địa chỉ : 18 Tân Nghĩa – Cẩm Phả – Quảng Ninh……..

Số tài khoản:0031001199524……

Điện thoại :…….MST

| 0 | 8 | 0 | 0 | 2 | 8 | 3 | 8 | 9 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ và tên người mua hàng : …….

Tên đơn vị : **Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại** ……..

Địa chỉ :… **Phường Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương** ……..

Hình thức thanh toán :...TGNH……

Số tài khoản: 421101110001……

MST

| 0 | 8 | 0 | 0 | 2 | 9 | 6 | 8 | 5 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| 1. | Dầu RP7 | kg | 960 | 12.500 | 12.000.000 |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 12.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 1.200.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 13.200.000 |
| Số tiền viết bằng chữ : *mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn./* | | | | | |

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) |

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)*

*Biểu 2.3*

**HÓA ĐƠN**
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**
Liên 2 : ( Giao khách hàng)
*Ngày 12 tháng 10 năm 2010*

***Mẫu số 01 GTKT - 3 LL***
***MB/2010B***
***0012133***

Đơn vị bán hàng :Cty TNHH Đạt Vinh Xương ……..
Địa chỉ :627 Kim Ngưu – Hai Bà Trưng – Hà Nội…….
Số tài khoản: 033 0101 001 3266……
Điện thoại :……MST

| 0 | 1 | 0 | 1 | 3 | 3 | 0 | 4 | 8 | 4 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Họ và tên người mua hàng : …….
Tên đơn vị : **Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại** ……..
Địa chỉ :… **Phường Phả Lại – Chí Linh – Hải Dương** ……...
Hình thức thanh toán :...TGNH……
Số tài khoản: 421101110001…….
MST

| 0 | 8 | 0 | 0 | 2 | 9 | 6 | 8 | 5 | 3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| 1. | Dầu Nhờn | lít | 2.160 | 14.200 | 30.672.000 |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: 30.672.000 | | | | | |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | | 3.067.200 |
| Tổng cộng tiền thanh toán : | | | | | 33.739.200 |
| Số tiền viết bằng chữ : *ba mươi ba triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn hai trăm đồng chẵn./* | | | | | |

| Người mua hàng | Người bán hàng | Thủ trưởng đơn vị |
|---|---|---|
| (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) | (Ký,ghi rõ họ tên) |

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)*

## 2.3.Quy Trình Lập Tờ Khai Thuế GTGT bằng Phần Mềm :

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm " *Hỗ trợ kê khai thuế* " do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm " Hỗ trợ kê khai thuế " cung cấp cho Công ty các chức năng sau :

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lực kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều ( mã hoá thông tin thành các mã vạch ) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành ( in thành ba bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này ).

Tại thời điểm năm 2010 Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.2 Song hiện tại do yêu cầu của cơ quan thuế, Công ty đã chuyển sang dùng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.4.

***Dưới đây là những giới thiệu sơ bộ khi sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai :***

Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như sau:

Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần " Mã số thuế ". Sau đó kích chuột vào chữ " Đồng ý "

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm Kế toán chọn mục "Hệ Thống" ,chọn " Thông tin Doanh Nghiệp/người nộp Thuế " ,Kế toán sẽ thấy dao diện như sau:

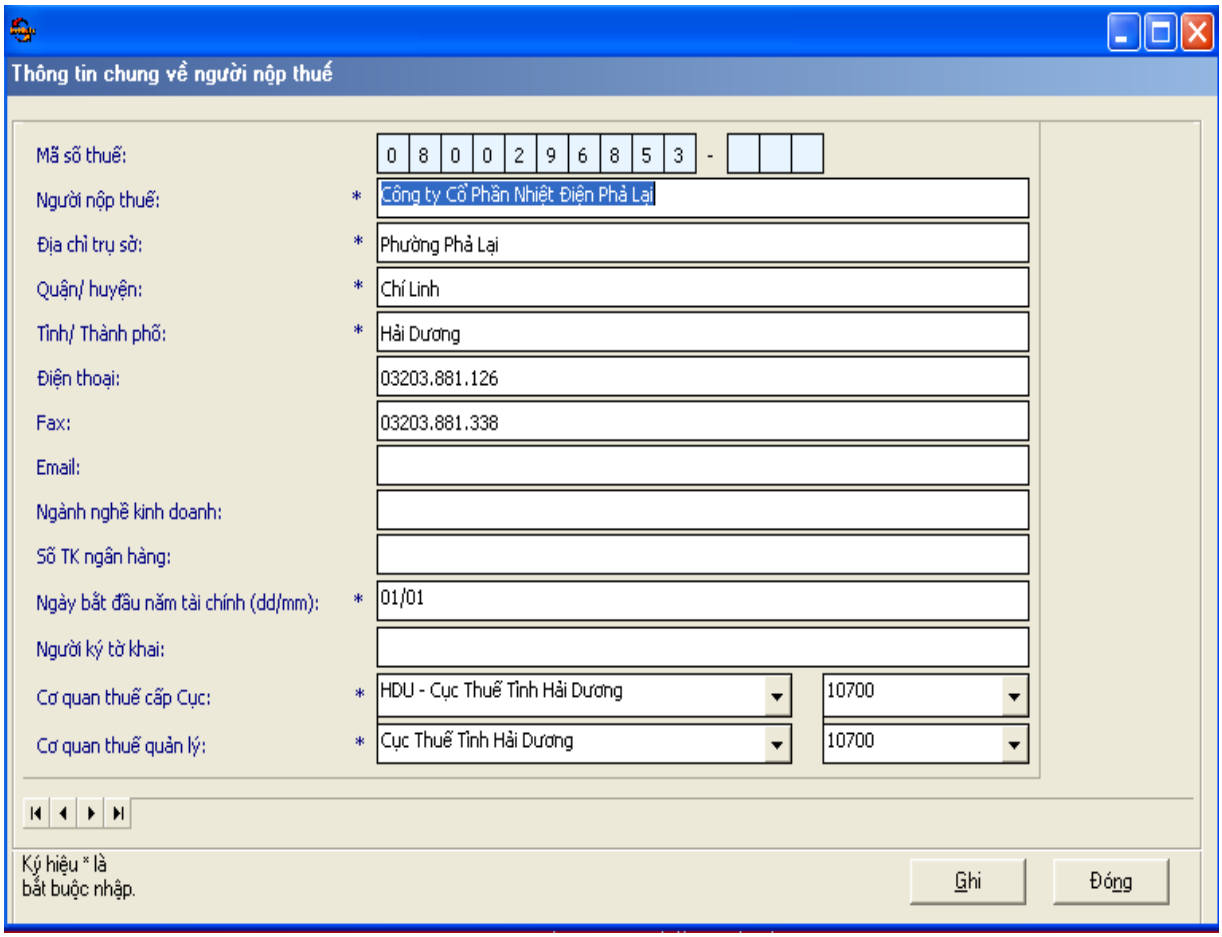


Sau đó Kế toán sẽ điền đầy đủ thông tin về công ty .Một số thông tin bắt buộc có kí hiệu " * "như :

- Người nộp thuế : ở đây phải điền là " Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại"

- Địa chỉ trụ sở : ở đây điền là " Phường Phả Lại "

- Quận/ huyện : ở đây điền là " Chí Linh"

- Tỉnh/ thành phố : ở đây điền là " Hải Dương"

- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.

- Ngày bắt đầu năm tài chính : ở đây điền là " 01/01 "

- Cơ quan thuế cấp Cục : sẽ có cho mình lựa chọn, tuỳ theo doanh nghiệp

của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn " HDU- Cục thuế TP Hải Dương "

- Cơ quan thuế quản lý : sẽ có chi cục thuế các quận và thành phố. Ví dụ như : Chi cục thuế TX Chí Linh, Chi cục thuế Huyện Nam Sách … và cục thuế thành phố Hải Dương. Kế toán chọn cục thuế TP Hải Dương vì Công ty do cục thuế quản lý.

Cuối cùng kế toán kích chuột vào chữ " Ghi " sau khi có dòng chữ " Đã ghi dữ liệu thành công ", kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ " Đóng ". Sau đó kế toán chọn mục " Kê Khai", chọn "Thuế Giá Trị Gia Tăng" màn hình sẽ hiện lên giao diện như sau:

Sau đó kế toán chọn " Tờ khai Thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT) " Màn hình sẽ hiện lên một giao như sau :

Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn " PL 01-1/GTGT " và " PL 01-2/GTGT " rồi kích chuột vào " đồng ý ". Kế toán chỉ sử dụng " PL 01-3/GTGT " sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái " Tờ khai " , " PL 01-1/GTGT " , " PL 01-2/GTGT ".

Kế toán kích chuột vào " PL 01-1/GTGT ' nếu như muốn kê khai hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.( như hình)

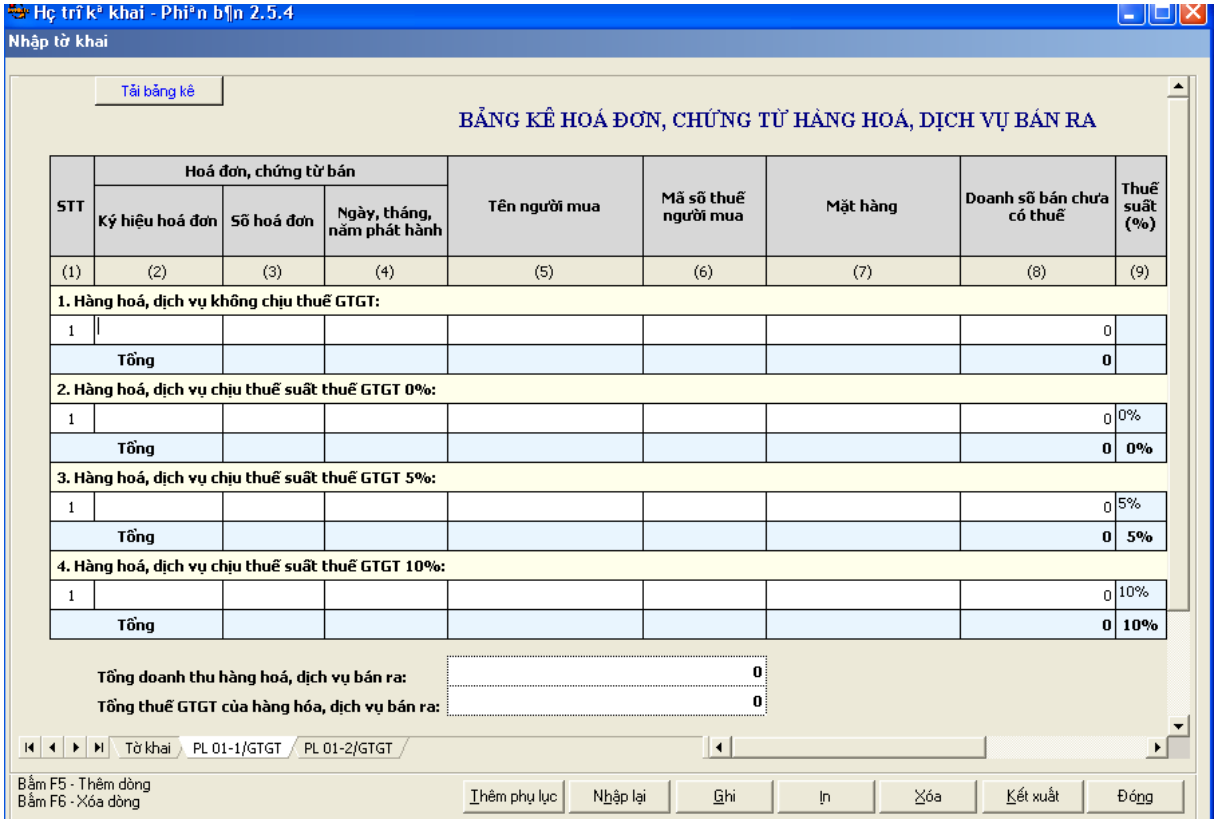


Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

*Ví dụ như:*

Ngày 11/10/2010 Công ty bán 890 khối nước cho Nguyễn Thị Ngọc với đơn giá là 3.000đ (thuế suất 5%), giá vốn là 2.358.500 theo HĐ 0014842. Đã thu bằng TM

**Kế toán kê khai như sau** : vào phần 3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 5%. Điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : là RD/2010B.
- Số hoá đơn : là 0014842.
- Ngày, tháng năm phát hành : là ngày tháng ghi hoá đơn cho khách. Ở đây là 11/10/2010.
- Tên người mua : là Nguyễn Thị Ngoc.
- Mã số thuế người mua : Do đây là cá nhân mua nên không có mã số Thuế.Nếu là doanh nghiệp thì bắt buộc phải có mã số Thuế
- Mặt hàng : Nước.
- Doanh số bán chưa có thuế : 2.670.000
- Thuế suất : 5%.
- Thuế giá trị gia tăng : 133.500
- Ghi chú : PT 580

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Tương tự như trên ta sẽ kê khai các hoá đơn có thuế suất 10%.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ " Ghi ". Tiếp đó hiện lên dòng chữ " Đã ghi số liệu thành công ". Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ " Đóng ". Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

Kích chuột vào " PL 01-2/GTGT ", nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.( như hình)

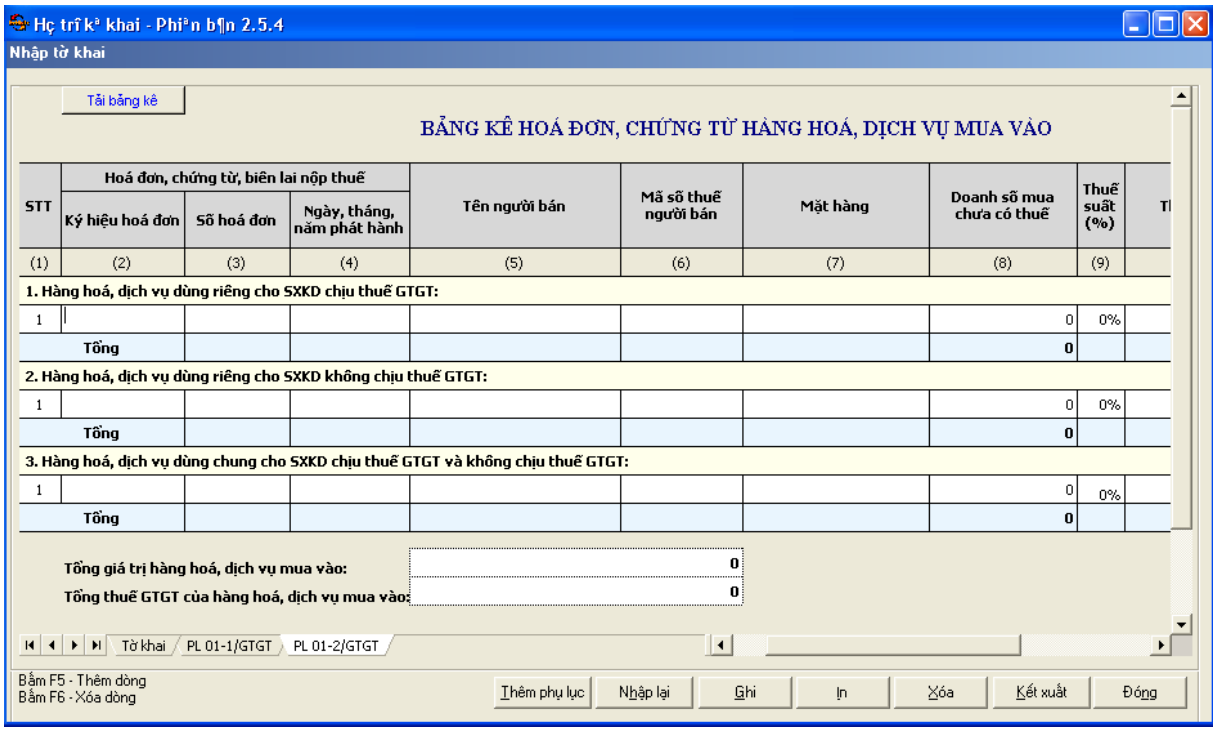


Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ mua vào. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT.
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT.
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT.

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ở đây doanh nghiệp sxkd các mặt hàng đều chịu thuế GTGT nên chỉ ke khai ở phần 1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT.

*Ví dụ như :*

Ngày 11/10/2010 Công ty mua 960 kg DầuRP7 của Công ty TNHH Tân Bình theo HĐGTGT 0017087 thanh toán bằng TGNH ,đơn giá 12.500 đ/kg chưa bao gồm thuế VAT 10% .

**Kế toán kê khai như sau :** Vào phần 1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT.

- Ký hiệu hoá đơn : LM/2010B.
- Số hoá đơn : 0017087
- Ngày, tháng năm phát hành : là ngày nhận được HĐ. Ở đây là 11/10/2010.
- Tên người bán : Cty TNHH Tân Bình.
- Mã số thuế người bán : 0800283893.
- Mặt hàng : Dầu RP7.
- Doanh số bán chưa có thuế : 12.000.000
- Thuế suất : 10%.
- Thuế giá trị gia tăng : 1.200.000
- Ghi chú : PN10100010238-CK

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ " Ghi ". Tiếp đó hiện lên dòng chữ " Đã ghi số liệu thành công ". Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ " Đóng ". Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ mua vào.

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai Thuế Giá Trị Gia Tăng.

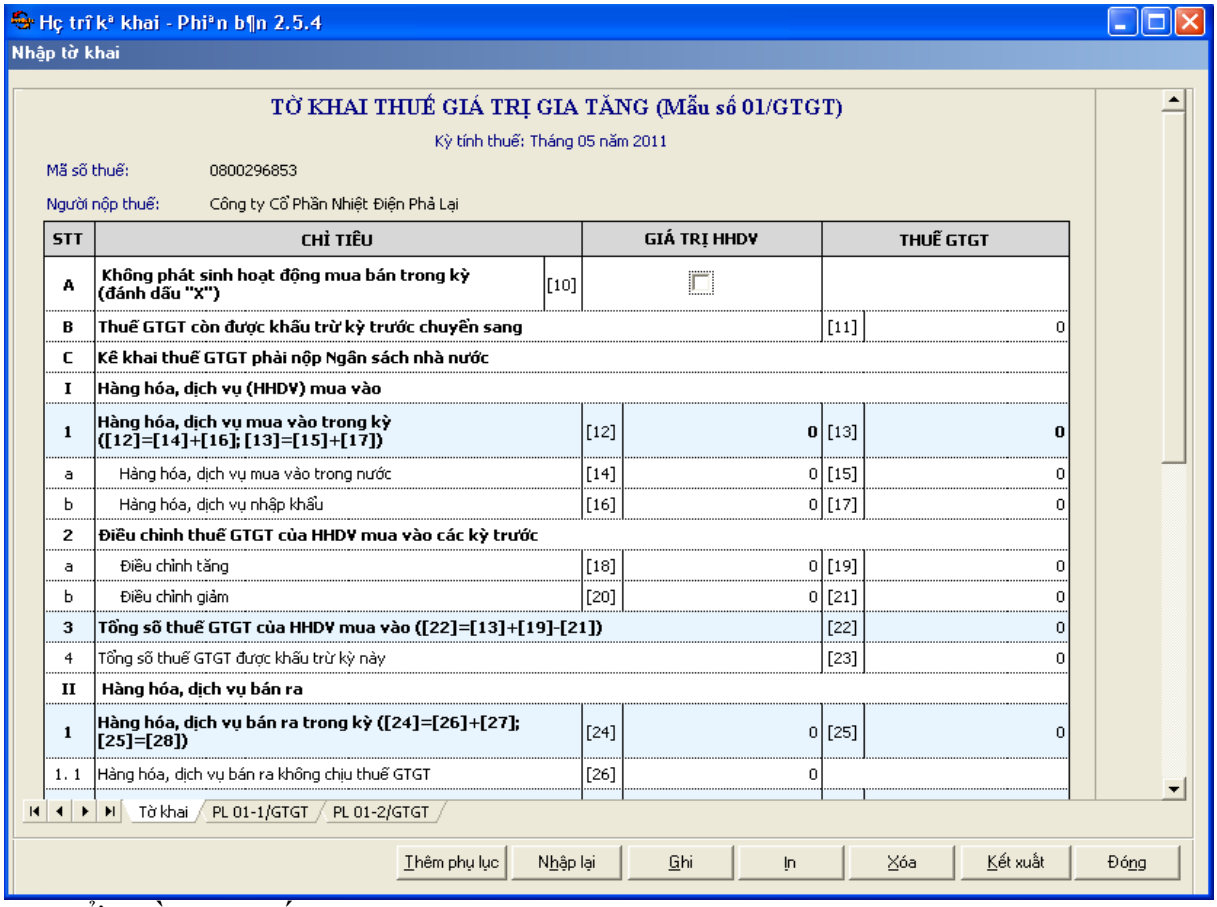


Ở phần này kế toán phải tự kê khai mục (14)-Giá trị hàng hóa dịch vụ mua vào trong nước, (16)-Giá trị hàng hóa dịch vụ nhập khẩu ( Doanh nghiệp không có mục 16 và 17), (15)- Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ mua vào trong nước, (17)- Thuế GTGT hàng hóa dịch vụ nhập khẩu. Và mục(23)- Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này.

Sau đó kế toán nhấn nút " Ghi ". Tiếp đó hiện lên dòng chữ " Đã ghi số liệu thành công ". Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ " Đóng ". Kế toán đã hoàn thành việc kê khai Thuế GTGT thành công.

*Chú ý: Nếu sau khi kế toán nhấn nút " Ghi ".tiếp đó hiện lên dòng chữ " Thông tin ghi sai, bạn có muốn ghi lại không ". lúc đó kế toán nhấn nút " Không "và phần thông tin ghi sai sẽ hiện lên màu đỏ và cần phải chỉnh sửa lại cho đúng. Trường hợp nếu thông tin ghi sai là mã số thuế thì ô mã số thuế của người mua ( bán ) để trống và ghi lại mã số thuế mã số thuế mà kế toán đã kê khai lúc trước vào phần " ghi chú ".*

## ***2.4.Một Số Quy Định Chung và Phương Pháp lập Tờ Khai Thuế GTGT :***

*2.4.1.Một số quy định chung :*

*2.4.1.1.*Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- "GTGT" là các ký tự viết tắt của cụm từ "giá trị gia tăng"
- "CSKD" là các ký tự viết tắt của cụm từ "cơ sở kinh doanh"
- "HHDV" là các ký tự viết tắt của cụm từ "hàng hóa, dịch vụ".

*2.4.1.2.* Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm....) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

-[01] : Kỳ tính thuế : tháng 10 năm 2010

-[02] : Người nộp thuế : Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

-[03] : Mã số thuế :0800296853

-[04] : Địa chỉ trụ sở : Phường Phả Lại

-[05] : Quận/huyện : Chí Linh

-[06] : Tỉnh/thành phố : Hải Dương

-[07] : Điện thoại : 03203.881.126

-[08] : Fax : 03203.881.338

-[09] : Email : ppc.evn@gmail.com.vn

*2.4.1.3.* Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phần số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

*2.4.1.4.* Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

*2.4.2.Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng ( mẫu số 01/GTGT )*

**A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ**

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu "X" vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

**B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang**

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [11]

-Doanh nghiệp còn số thuế khấu trừ kỳ trước chuyển sang nên phần này bỏ trống.

**C- Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước**

**I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào**

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

**1. Chỉ tiêu "Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ"**

**- Mã số [12] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm giá trị HHDV mua vào trong nước và nhập khẩu.

-[12] : 217.224.357.850

**- Mã số [13] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

-[13] : 21.743.366.124

**2. Chỉ tiêu "Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước"**

**- Mã số [14] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ.

-[14] : 217.224.357.850

- **Mã số [15] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào trong nước.

-[15] : 21.743.336.124

**3.Chỉ tiêu "Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu"**

- **Mã số [16] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT)

-[16] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [17] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ.

-[17] : Không phát sinh trong kỳ

**4. Chỉ tiêu "Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước".**

- **Mã số [18], [20]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-[18] [20] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [19], [21]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-[19] [21] : Không phát sinh trong kỳ

**5. Chỉ tiêu "Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào"**

- **Mã số [22] :** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

-[22] : 21.743.366.124

**6. Chỉ tiêu "Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này"**

- **Mã số [23] :** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

-[23] : 21.743.366.124

**II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra**

**1. Chỉ tiêu "Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ"**

**- Mã số [24] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

-[24] : 314.720.528.175

**- Mã số [25] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

-[25] : 31.471.336.065

**2. Chỉ tiêu "Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT"**

**- Mã số [26] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

-[26] : Không phát sinh trong kỳ

**3.Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT"**

**- Mã số [27] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

-[27] : 314.720.528.175

**- Mã số [28] :** Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] **.**

-[28] : 31.471.336.065

**4. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"**

**- Mã số [29]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

-[29] : Không phát sinh trong kỳ

**5. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :**

**- Mã số [30]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

-[30] : 14.335.048

**- Mã số [31]:** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với

giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

-[31] : 716.752

**6. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :**

**- Mã số [32]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

-[32] : 314.706.193.127

**- Mã số [33] :** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

-[33] : 31.470.619.313

**7. Chỉ tiêu "Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước"** :

**- Mã số [34], [36]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

-[34] [36] : Không phát sinh trong kỳ

**- Mã số [35], [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

-[35] [37] : Không phát sinh trong kỳ

**8. Chỉ tiêu "Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra" :**

**- Mã số [38]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

[38] = [24] + [34] -[36]

- [38] : 314.720.528.175

**- Mã số [39]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức :

[39] = [25] + [35] -[37]

-[39] : 31.471.336.065

**III- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ :**

**1. Chỉ tiêu "Thuế GTGT phải nộp trong kỳ":**

**- Mã số [40]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu [39] = 0 thì phải ghi số **"0"** vào kết quả.

- [40]: 9.727.969.941

**2. Chỉ tiêu : "Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ":**

**- Mã số [41]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu để ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi chỉ tiêu [40].

- [41]: Không phát sinh

**3. Chỉ tiêu "Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này "**

**- Mã số [42]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

-[42] : Không phát sinh

**4. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :**

**- Mã số [43]:** Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

-[43] : không phát sinh.

# PHẦN III

# MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

## 3.1.Đánh Giá Thực Trạng Kế Toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại.

### *3.1.1.Ưu Điểm :*

*3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:*

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với nhu cầu kinh doanh và quản lý của Công ty.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng vẫn đảm bảo có sự chặt chẽ giữa các phần hành kế toán với nhau.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng.

*3.1.1.2.Về kĩ thuật:*

Công ty đã sử dụng mạng internet , mạng nội bộ nên rất thuận tiện trong việc trao đổi thông tin trong Công ty và kế toán luôn cập nhập được các thay đổi về chế độ kế toán của BTC nhất là các thay đổi về kế toán Thuế nên

*3.1.1.3.Về hình thức kế toán áp dụng :*

Công ty áp dụng hình thức kế toán "***Nhật ký chung***" là hình thức ghi sổ kế toán phổ biến với những ưu điểm hơn cả: khoa học, dễ hiểu, dễ làm, thuận tiện cho việc áp dụng máy vi tính, phù hợp với năng lực kế toán ở mọi trình độ, dễ phân công lao động trong phòng kế toán.Và hình thức này phù hợp với thực tế tổ chức sản xuất tại công ty.

*3.1.1.4.Về chứng từ, sổ sách sử dụng:*

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty cơ bản là thực hiện đúng theo quy định của Bộ tài chính ban hành. Công ty cũng thiết lập hệ thống tài khoản chuẩn do Bộ tài chính quy định và bổ sung thêm một số tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đặc điểm của Công ty.

Hệ thống chứng từ được tập hợp đầy đủ theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được lập theo đùng biểu mẫu.

Quy trình luân chuyển chứng từ đúng và hợp lý góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chính xác.

*Sơ đồ luân chuyển chứng từ của Công ty như sau:*

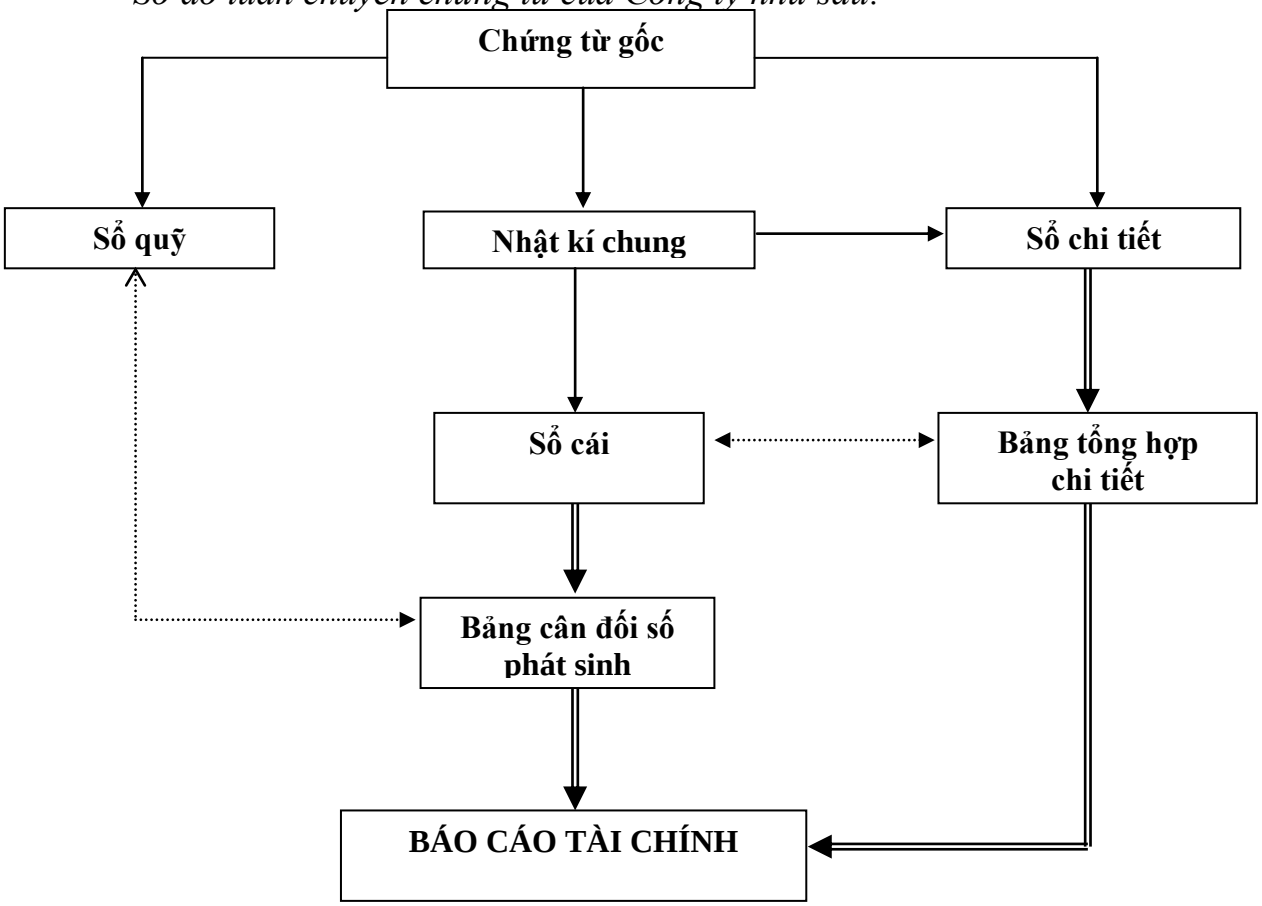


*Sơ đồ 3.1 Trình tự ghi sổ kế toán*

Ghi chú:

Ghi theo ngày

Ghi theo tháng, hoặc định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

*3.1.1.4.Về công tác tổ chức kế toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại công ty:*

- Công ty đã có kế toán chuyên về Thuế và tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT, Báo Cáo sử dụng Hóa Đơn ...

- Kế toán kê khai chính xác và đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định. Riêng bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào tháng 10/2010 có một vài hoá đơn chứng từ của tháng 09/2010, điều này là hoàn toàn hợp lý bởi theo Luật thuế hiện hành nếu chưa có đầy đủ Hoá Đơn chứng từ để kê khai trong tháng này thì có thể kê khai vào tháng sau, tối đa không quá 6 tháng, việc kê khai hoá đơn chứng từ của tháng 09 vào bảng kê của tháng 10 là vẫn nằm trong thời gian quy định.

- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.

- Kế toán Thuế luôn luôn tìm hiểu những thay đổi mới nhất của Nhà nước về Luật Thuế.

- Việc nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng qui định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

***3.1.2. Hạn chế :***

Bên cạnh những ưu điểm đã được đề cập ở trên thì công tác kế toán nói chung, công tác kế toán Thuế Giá Trị Gia Tăng nói riêng tại Công ty còn có những mặt hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện hơn nữa. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập qua thời gian nghiên cứu tại Công ty em xin đưa ra một số ý kiến sau:

*3.1.2.1.Về Kĩ Thuật :*

Mặc dù Công ty đã có phần mềm hỗ trợ trong phần tổng hợp số liệu để lập Báo Cáo Tài Chính do cá nhân tạo ra nhưng với số lượng nghiệp vụ phát sinh

hàng ngày là rất nhiều nên việc làm Kế toán bằng tay sẽ rất mất thời gian ,dễ bị nhầm lẫn ,dẫn đến hiệu quả công việc kém .

*3.1.2.2. Về công tác tổ chức kế toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại công ty:*

1.Về nhân viên kế toán Thuế :

- Công ty đã có kế toán chuyên làm về Thuế nhưng kế toán lại không được đào tạo về chuyên ngành kế toán Thuế ,không có kinh nghiệm về công việc nên khi làm còn nhều sai sót , kế toán tổng hợp phải kiểm tra và điều chỉnh lại .Và hầu hết công việc vẫn do kế tán tổng hợp kiêm nhiệm .Như vậy sẽ gây mất thời gian và gây khó kăn cho việc theo dõi số liệu ,làm giảm hiệu quả công việc .

2.Tài Khoản sử dụng:

- Bên cạnh việc sản xuất điện năng ,Công ty còn sản xuất và kinh doanh nhiều mặt hàng khác như : xỉ Than, tro bay , nước ,thạch cao…nhưng Công ty không phân biệt rõ TK 511 và 3331 dùng cho sản phẩm điện hay sản phẩm khác dẫn đến việc không làm rõ được doanh thu và thuế giá trị phải nộp cho từng sản phẩm nên việc hạch toán không được chính xác , không đáp ứng được yêu cầu của lãnh đạo .

- Do đặc thù của Nhà máy điện , TSCĐ luôn là những máy móc ,công trình có giá trị rất lớn nên không thể mua đơn giản như hàng hóa dịch vụ thông thường ,mà phải đại tu sửa chữa ,lắp ráp ,xây dựng nên cần phải được theo dõi Thuế GTGT đầu vào riêng với các hàng hóa dịch vụ mua vào để dễ quản lý được Thuế GTGT đầu vào .Nhưng Công ty vẫn theo dõi TSCĐ và hàng hóa dịch vụ thông thường chung vào TK 133 dẫn đến khó khăn trong việc quản lý Thuế GTGT đầu vào.

3.Chứng từ sổ sách:

- Tất cả các nghiệp vụ đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, Công ty chưa mở sổ nhật ký mua hàng và nhật ký bán hàng; vậy theo em là chưa đúng với hình thức nhật ký chung mà Công ty đang áp dụng.

Sơ đồ sổ sách của Công ty đang sử dụng như sau:

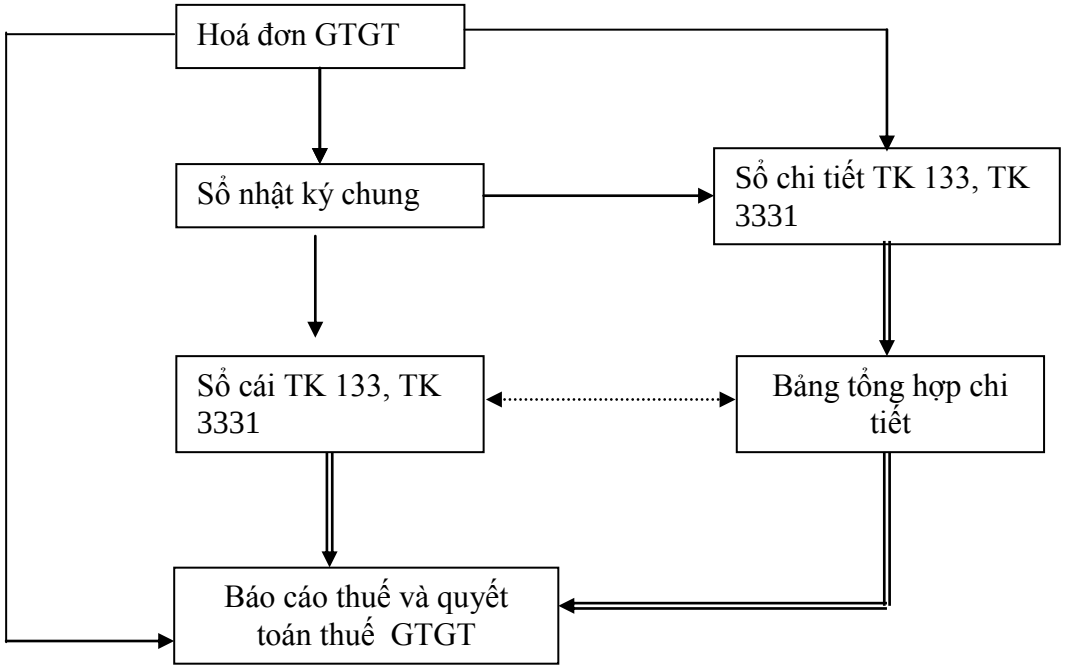


*Sơ đồ 3.2 Trình tự ghi sổ kế toán*

Ghi chú:

Ghi theo ngày

Ghi theo tháng, hoặc định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

4.Công tác ghi sổ :

- Khi kê khai thuế GTGT , đôi khi kế toán còn bỏ sót Hoá đơn đầu vào và Hoá đơn đầu ra nên số liệu của Thuế GTGT hàng hoá mua vào bán ra của bảng kê với sổ cái không khớp nhau .Kế toán đã phải kiểm tra và kê khai bổ sung nên rất mất thời gian.

5.Về vấn đề Hóa Đơn :

- Khi mua hàng qua điện thoại kế toán còn chủ quan không nhận Hóa Đơn tại nơi xuất hàng mà nhận Hóa Đơn do người bán mang đến dẫn đến việc dễ bị Hóa Đơn giả ,hoặc số liệu không đúng với thực tế .

- Khi viết sai Hóa Đơn mà Hoá Đơn đã xé ra khỏi cuống ,kế toán không lập biên bản làm lại Hóa Đơn giữa hai bên mà tự ý gạch Hóa Đơn ,như thế là sai quy định về việc sử dụng Hóa Đơn.

6.Về vấn đề kê khai Bảng kê HHDV bán ra :

Kế toán không kê Hóa Đơn đã hủy vào bảng kê ,không kê HĐ theo đúng thứ tự số HĐ đã sử dụng theo quy định của BTC ,như vậy dễ gây nhầm lẫn trong việc kê khai HĐ ,có thể sẽ kê khai trùng lặp 1HĐ thành nhiều lần gây mất thời gian điều chỉnh lại .

Trên đây là một vài tồn tại trước mắt, bộ phận kế toán của Công ty nên đưa ra các biện pháp giải quyết để công tác kế toán thuế GTGT của Công ty được hoàn thiện hơn nữa.

## 3.2.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại :

### *3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.*

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, do đó Thuế Giá Trị Gia Tăng có vai trò rất quan trọng nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất, khuyến khích phát triển nền kinh tế quốc dân, động viên một phần thu nhập của người tiêu dùng vào ngân sách nhà nước .Vì vậy cần phải áp dụng Thuế Giá Trị Gia Tăng cho đúng đắn, công bằng, có hiệu quả, đáp ứng được chủ trương của Nhà Nước .

Đối với các doanh nghiệp cần phải xác định rõ được số Thuế GTGT phải nộp cho Nhà Nước nên cần có kế toán Thuế trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Yêu cầu của công tác kế toán Thuế GTGT là phải tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới nhất cũng như những chế độ, chính sách tài chính của Nhà Nước. Một doanh nghiệp cho dù hoạt động trong lĩnh vực nghành nghề nào, thuộc loại hình nào thì cũng phải tuân thủ theo đúng những qui định của Bộ Tài Chính trong việc sử dụng, ghi chép hoá đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Nếu doanh nghiệp không làm theo đúng những qui định hiện hành về thuế thì lập tức sẽ có sự can thiệp của cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Chính vì vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Thuế GTGT rất cần thiết và phải theo hướng phù hợp với chế độ chính sách thuế cũng như chuẩn mực kế

toán hiện hành, một mặt để thuận lợi trong công tác quán lý, mặt khác để không vi phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà Nước.

Tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT cũng rất được quan tâm vì Thuế GTGT tuy không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp ,bản thân doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến đồng vốn của doanh nghiệp cho nên xét đến cùng thì nó cũng phần nào ảnh hưởng gián tiếp đến lợi nhuận kinh doanh.

### *3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi, nguyên tắc của hoàn thiện.*

*3.2.2.1. Mục đích của hoàn thiện*

- Khắc phục những thiếu sót

- Đưa ra những giải pháp để từ đó doanh nghiệp có những bước đi đúng đắn trong tương lai.

*3.2.2.2.Yêu cầu của hoàn thiện*

Do tầm quan trọng của phần hành kế toán Thuế Giá Trị Gia Tăng nên việc đưa ra các kiến nghị hoàn thiện cần đảm bảo những yêu cầu sau :

***Thứ nhất,*** hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

***Thứ hai,*** hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

***Thứ ba,*** hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

*3.2.2.3. Nguyên tắc của hoàn thiện*

- Không làm ảnh hưởng tới các hoạt động khác trong doanh nghiệp
- Tôn trọng các chuẩn mực nhà nước đưa ra

*3.2.3.4. Phạm vi của hoàn thiện*

Trong Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại

***3.2.3. Những ý kiến hoàn thiện***

Sau một thời gian thực tập và được tìm hiểu thực tế tại công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại kết hợp với các kiến thức đã học em đã hiểu sâu hơn về thực trạng tổ chức kế toán tại công ty như thế nào đặc biệt là thực trạng tổ chức kế toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại công ty, tuy còn hạn chế về khả năng nhận thức và kinh nghiệm thực tế nhưng qua bài viết này, em xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến ý kiến nhỏ về công tác kế toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại. Ý kiến đề xuất dưới đây của em có thể còn mang tính chủ quan của cá nhân và chưa được tốt nhất xong em hy vọng sẽ góp phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế Thuế Giá Trị Gia Tăng tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại giúp cho công tác Kế toán của Công ty phù hợp hơn

*Kiến nghị 1:Về Kĩ Thuật:*

Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng phát triển, mối quan hệ kinh tế pháp lý mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao, làm cho nhu cầu thu nhận, xử lý cung cấp thông tin ngày càng khó khăn, phức tạp. Vì vậy việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán có ý nghĩa rất lớn.

Do vậy cần thiết phải sử dụng phần mềm kế toán bởi vì:

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty
- Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài
- Làm cho công việc của các kế toán sẽ không phải mất thời gian tìm kiếm, kiểm tra các số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhàm chán để

giành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của Cán bộ quản lý.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật kí chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức "Nhật kí chung".

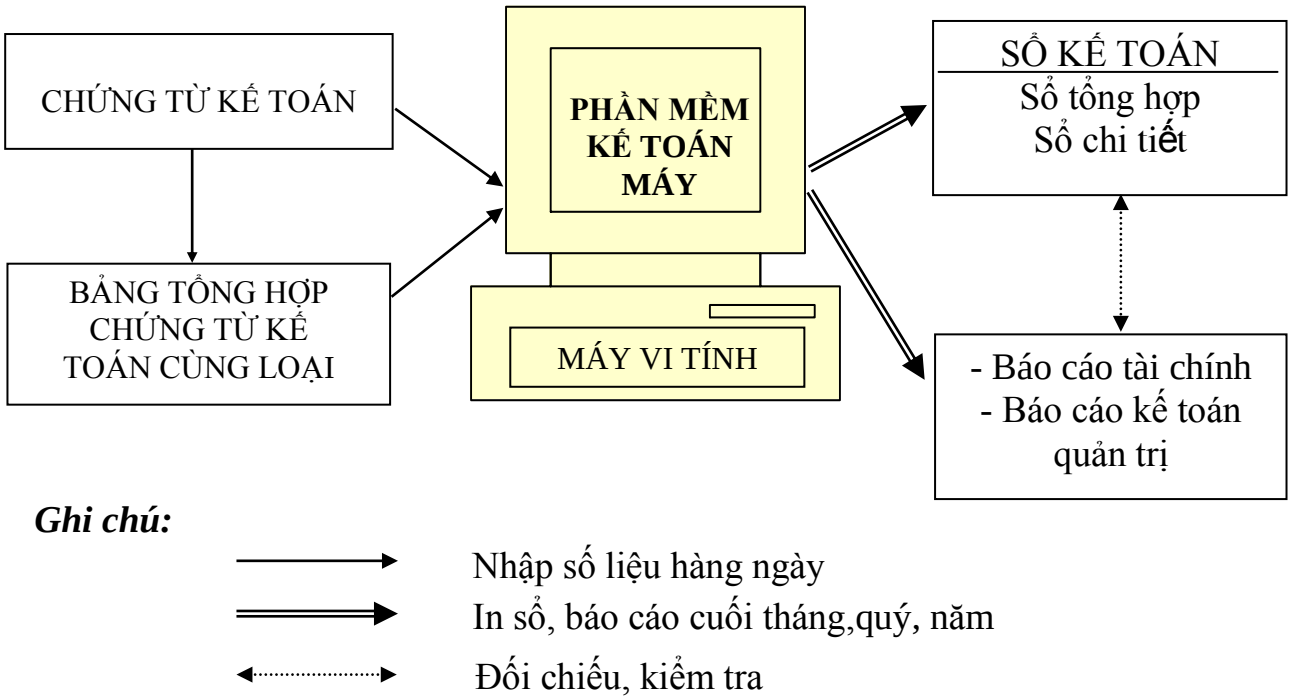


Sơ đồ 3.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, ....) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính

chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sau đây là một số phần mềm kế toán máy Công ty có thể tham khảo và áp dụng:

– Phần mềm ACMAN: ACMAN được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo quy chuẩn của Bộ Tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

– Phần mềm kế toán MISA: Đây là phần mềm được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình DN. Với tiêu chí "Đơn giản hoá, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của DN. MISA được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán - quản trị doanh nghiệp, phù hợp với loại hình doanh nghiệp: thương mai dịch vụ, sản xuất và xây lắp.

– Phần mềm kế toán KTVN: Đây là phần mềm thiết kế đơn giản, dễ sử dụng và có thể vận dụng linh hoạt cho nhiều nhu cầu quản lý hạch toán khác nhau.

Việc thay đổi này đòi hỏi công ty phải có một sự nghiên cứu, đầu tư, đào tạo cán bộ về tin học, tuy nhiên hiệu quả kinh tế đem lại cho doanh nghiệp là rất cao.

*Kiến nghị 2:Nhân viên kế toán Thuế:*

- Kế toán Thuế là một mảng rất quan trọng trong bộ máy kế toán nên khi tuyển dụng người làm công tác kế toán Thuế đòi hỏi các đối tượng này phải có hiểu biết sâu rộng về luật thuế, có nghiệp vụ tốt ,hiểu rõ và có kinh nghiệm về kế toán Thuế để tránh được sai sót trong việc kê khai và như vậy kế toán tổng hợp sẽ giảm bớt được áp lực công việc ,làm việc sẽ hiệu quả hơn .Kế toán Thuế phải được tập huấn thường xuyên vì chính những đối tượng này tạo cơ sở chấp hành pháp luật đúng hay sai qua việc sử dụng hoá đơn chứng từ đúng nguyên tắc, đúng chế độ, là bước đầu cho công tác hạch toán, đóng vai trò quyết định quan trọng về giá trị sổ sách của Công ty . Bảo đảm cho kế toán thực sự là công cụ quan trọng nhất trong quản lý thu thuế và chống thất thu thuế . Đảm bảo thuận lợi cho kế toán thanh toán thuế với ngân sách Nhà Nước.

*Kiến nghị 2:* Tài Khoản sử dụng:

- Kế toán nên chia TK 511 thành TK 51111 – dùng để phản ánh Doanh thu tiêu thụ sản phẩm là điện. TK 51112 – dùng để phản ánh doanh thu tiêu thụ là sản phẩm khác .

- Chia TK 3331 thành TK 333111 – Thuế GTGT đầu ra - Thuế GTGT phải nộp sản phẩm Điện . TK 333113 – Thuế GTGT đầu ra -Thuế GTGT phải nộp Sản phẩm khác .

- Chia TK 133 thành TK 13311 – Thuế GTGT được khấu trừ - của hàng hóa dịch vụ , TK 13321 – Thuế GTGT được khấu trừ - của TSCĐ

Như vậy ta có Sổ Cái và Sổ chi tiêt của TK 133 và TK 3331 sẽ thay đổi như sau :

*Kiến nghị 3 :* Chứng từ sổ sách:

-Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày đều được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, như vậy khối lượng ghi chép là rất lớn gây khó khăn cho việc theo dõi. Theo tôi Công ty nên mở thêm một số sổ Nhật ký chuyên dùng để theo dõi một số loại nghiệp vụ chủ yếu như mua hàng, bán hàng, để cuối tháng kế toán thuế GTGT có thể lấy số liệu tổng hợp từ các Nhật ký chuyên dùng đó để đối chiếu số liệu đã tổng hợp được trên các sổ chi tiết.

Sơ đồ sổ sách của Công ty nên chỉnh sửa như sau:

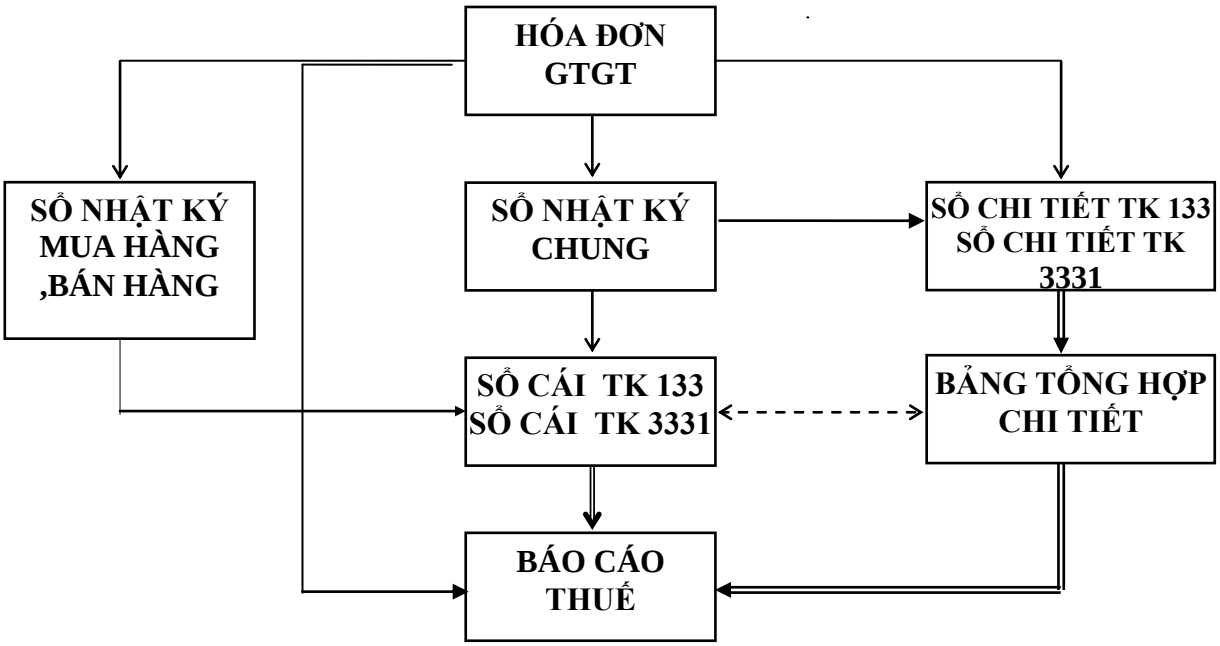


*Sơ đồ 3.3 Trình tự ghi sổ kế toán*

Ghi chú:

Ghi theo ngày

Ghi theo tháng, hoặc định kỳ

Kiểm tra, đối chiếu

Dưới đây là một số mẫu sổ Nhật ký chuyên dùng Công ty nên mở thêm:

*Kiến nghị 4 :* Công tác ghi sổ

- Kế toán cần cẩn thận trong quá trình kê khai bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào bán ra ,cần kê khai Hoá Đơn theo ngày nhận HĐ và đối chiếu với Sổ Cái vào cuối ngày để tránh bỏ sót hoặc nhầm lẫn .Cuối tháng kế toán cần đối chiếu số liệu của Bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào bán ra ,tờ khai Thuế với Sổ Cái TK133 ,TK3331 xem có khớp không để kịp thời điều chỉnh.

*Kiến nghị 5:* Về Hoá Đơn:

- Khi mua hàng qua điện thoại kế toán cần phải đến tận nơi mua hàng để lấy Hoá Đơn và phải kiểm tra số liệu trên Hoá Đơn với số liệu thực tế xem có khớp nhau không ,như vậy sẽ tránh được Hoá Đơn và Hoá đơn giữa các liên không khớp nhau .

- Khi Hoá Đơn viết sai đã bị xé khỏi cuống thì kế toán phải lập biên bản làm lại HĐ giữa hai bên và biên bản phải ghi rõ nội dung sai, số ký hiệu, sêri, ngày… tháng… năm… của hóa đơn ghi sai đó, thu hồi đủ các liên của tờ hóa đơn sau đó gạch chéo ghi chữ hủy bỏ và lưu trên quyển hóa đơn, đồng thời bên bán phải lập hóa đơn mới giao cho khách hàng và ghi ngay trên tờ hóa đơn mới "thay thế tờ hóa đơn số ký hiệu, sêri, ngày… tháng… năm… " của tờ hóa đơn hủy bỏ.

Dưới đây là mẫu biên bản hủy Hóa Đơn :

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

**.....**

**BIÊN BẢN HUỶ HOÁ ĐƠN**

- Căn cứ vào hợp đồng ..... ngày .... tháng ... năm ..... ký giữa Công ty .....và Công ty..... về việc mua bán .....
- Căn cứ vào thực trạng hoá đơn GTGT số ..... ngày .../.../.... mà Công ty .....đã cấp cho Công ty **.....**
- Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..... Tại Trụ sở Công ty **.....**, Số nhà..... Chúng tôi gồm có:

**BÊN A: .....**

Địa chỉ : .....

Mã số thuế : .....

Do Ông/Bà : .....,Chức vụ: ....., làm đại diện

**BÊN B: .....**

Địa chỉ : …….....….

Mã số thuế : .....

Do Ông (Bà): ....., Chức vụ: ....., làm đại diện

- Hai bên cùng nhau xác nhận việc huỷ bỏ hoá đơn GTGT số ..... ngày .../.../..... mà Công ty ..... đã cấp cho Công ty .....

**1/ Lý do huỷ bỏ hoá đơn.**

- Do đơn giá ghi trên hoá đơn không đúng theo như hợp đồng đã ký giữa hai bên, và khối lượng còn thiếu.

**2/ Cam kết.**

- Công ty ..... và Công ty .....cam kết không sử dụng hoá đơn GTGT số ..... ngày .../.../.... trong việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Công ty .....cam kết không kê khai thuế GTGT đầu vào của hoá đơn số ..... của Công ty ..... Nếu có sự sai trái trong việc kê khai thuế của hoá đơn trên, Công ..... hoàn toàn chịu trách nhiệm
- Liên 2 của hoá đơn số ..... được hoàn trả lại cho Công ty **.....**

Biên bản được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản

**ĐẠI DIỆN BÊN A** **ĐẠI DIỆN BÊN B**

*Kiến nghị 6:*Vấn đề kê khai bảng kê HHDV bán ra:

- Kế toán cần kê khai số Hoá Đơn đã bị huỷ vào bảng kê HHDV bán ra và ở phần ghi Hoá Đơn bi huỷ vào cột Hóa Đơn chứng từ và tên người mua những cột khác thì đẻ trống .Như vậy mới đúng nguyên tắc kê khai Thuế và sẽ dễ theo dõi được tình hình sử dụng Hoá Đơn hơn .

*Kiến nghị 7:*Kiến nghị khác:

- Công ty nên tổ chức kiểm toán nội bộ, bởi đây chính là một công cụ hữu hiệu cho các nhà quản trị trong việc điều hành và kiểm soát tổ chức của mình nhằm đạt được những mục tiêu đã đề ra. Kiểm toán nội bộ không chỉ phục vụ cho Công ty mà còn hữu ích cho các cơ quan Nhà nước các đơn vị hành chính sụ nghiệp cũng như các tổ chức phi lợi nhuận.

- Công ty nên thường xuyên tổ chức lớp đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ kế toán cho nhân viên kế toán để củng cố kiến thức, đồng thời bổ sung kiến thức mới cho phù hợp với sự phát sinh các nghiệp vụ kinh tế mới. Trong điều kiện phát triển của nên kinh tế nươc ta thì luật kế toán mới ra đời còn non trẻ và còn phải được hoàn thiện trong quá trình thực hiện, cùng với các chuẩn mực kế toán thường xuyên thay đổi dẫn đến khó khăn cho công tác kế toán, vì vậy phòng kế toán phải thường xuyên cập nhật các văn bản thông tư mới phục vụ công tác kế toán kịp thời theo đúng quy định của Nhà Nước, tránh tình trạng không thực hiện kịp thời theo thông tư, văn bản mới dẫn đến vi phạm pháp luật.

***Chú ý:***

*- Khi kê khai thuế GTGT kế toán bỏ sót hoá đơn đầu vào và hoá đơn đầu ra. Việc này cần phải được kế toán điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hoá đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Còn đối với hoá đơn đầu ra khi không được phép kê khai bổ sung mà phải làm làm các tờ khai điều chỉnh theo các mẫu biểu 01/KHSB và phụ lục 01-3/GTGT.*

Phụ lục 01-3/GTGT

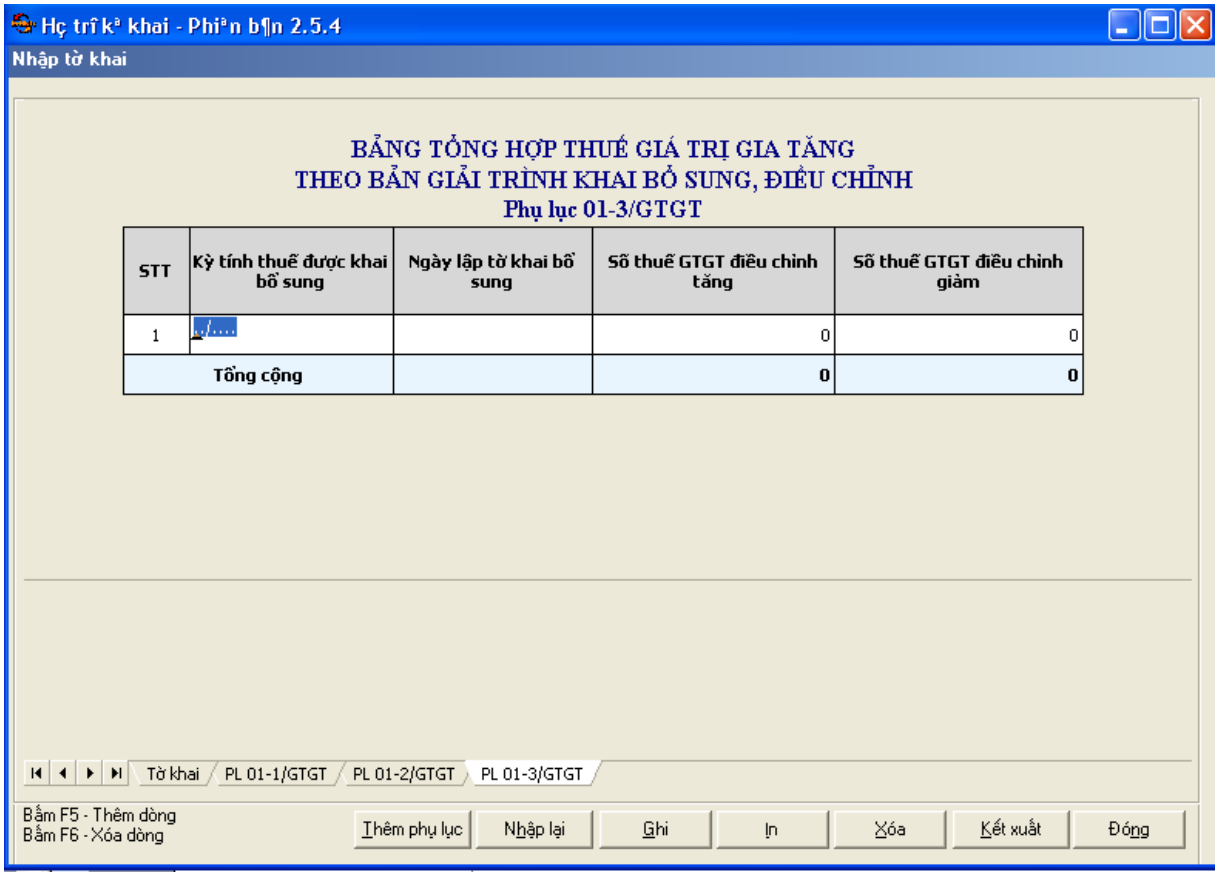

# KẾT LUẬN

Nền kinh tế nước ta hiện nay đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, do đó Thuế Giá Trị Gia Tăng có vai trò rất quan trọng nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất, khuyến khích phát triển nền kinh tế quốc dân, động viên một phần thu nhập của người tiêu dùng vào ngân sách nhà nước .Vì vậy cần phải áp dụng Thuế Giá Trị Gia Tăng cho đúng đắn, công bằng, có hiệu quả, đáp ứng được chủ trương của Nhà Nước .

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty, cùng với những kiến thức lý luận được học, em đã cố gắng tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, đặc biệt là công tác kế toán Thuế Giá Trị Gia Tăng. Với góc độ là một sinh viên thực tập, trong bài luận văn này, em mong muốn đóng góp một vài ý kiến chủ quan của cá nhân mình góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại công ty. Từ đó nâng cao hiệu quả của công tác quản lý Thuế Giá Trị Gia Tăng tại Công ty nói riêng và của Nhà nước nói chung .

Do thời gian tiếp xúc với công tác kế toán chưa nhiều và cũng là bước đầu tìm hiểu về kế toán, nên các vấn đề em đưa ra trong báo cáo thực tập nay có thể chưa mang tính chất khái quát cao, cách giải quyết chưa hoàn toàn thấu đáo và không tránh khỏi những sai sót.

Vì vậy em rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô và các bạn để bài luận văn của em được hoàn chỉnh hơn góp phần cho công tác thực tế sau này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn **Cô giáo Ths.Đồng Thị Nga** cùng các cô chú, anh chị phòng Tài chính - kế toán của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành bài luận văn này .

***Em xin chân thành cảm ơn !***

Sinh viên

*Trần Thị Hà*

# DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

**1**. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Tài chính.

**2.** Bộ tài chính : Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

**3.** Khóa luận tốt nghiệp của sinh viên Nguyễn Khắc Hải Hà lớp QT 1004K

Khoá luận tốt nghiệp của sinh viên Nguyễn Thị Thu Hương lớp QT 601K

Khoá luận tốt nghiệp của sinh viên Đinh Thị Phương lớp QT 603K

**4.** Các trang web chính thức của Chính phủ, Nhà nước, các trang web kinh tế và các báo kinh tế,…

**5.** Tài liệu, sổ sách kế toán năm 2010 của công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại.

# MỤC LỤC

**LỜI NÓI ĐẦU** ..... 1

**PHẦN I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG DOANH NGHIỆP** ..... 9

1.Lý luận chung về Thuế Giá Trị Gia Tăng. ..... 9

1.1.Sơ lược vài nét về sự ra đời của Thuế Giá Trị Gia Tăng. ..... 9

1.2.Khái niệm TGTGT ..... 9

1.3. Vai trò của Thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá : ..... 11

1.4.Vai trò của Thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế : ..... 11

1.5. Cơ chế hoạt động của Thuế giá trị gia tăng : ..... 13

2.Nội Dung Cơ Bản Của Luật TGTGT tại Việt Nam ..... 13

2.1. Đối tượng chịu TGTGT ..... 13

2.2. Người nộp TGTGT ..... 14

2.3. Đối tượng không chịu TGTGT ..... 14

2.4. Căn cứ và phương pháp tính TGTGT ..... 15

2.4.1. Giá tính TGTGT ..... 15

2.4.2.Thuế suất TGTGT ..... 16

2.5. Đăng ký nộp TGTGT ..... 18

2.6.Kê Khai TGTGT ..... 18

2.7. Nộp thuế ..... 19

2.8.Thủ tục kê khai TGTGT ..... 21

2.9.Miễn giảm TGTGT ..... 21

2.10. Quyết toán TGTGT ..... 21

2.11. Hoàn TGTGT ..... 22

3. Phương Pháp Tính TGTGT ..... 22

3.1.Phương pháp khấu trừ ..... 23

3.1.1.Đối tượng: ..... 23

3.1.2.Công thức xác định : ..... 23

3.1.3.Điều kiện khấu trừ thuế : ..... 25

3.2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng ..... 26
3.2.1. Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT áp dụng đối với các đối tượng sau đây: ..... 26
3.2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp ..... 26
4. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế ..... 29
4.1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT. ..... 29
4.2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT. ..... 29
4.2.1.Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung : ..... 29
4.2.2 Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng : ..... 31
5.Tổ Chức Kế Toán Thuế Tại Doanh Nghiệp ..... 32
5.1.Tổ chức chứng từ sử dụng ..... 32
5.2. Tài khoản kế toán ..... 33
5.2.1.Tài Khoản 133 - Thuế Giá Trị Gia Tăng được khấu trừ. ..... 33
5.2.2 Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp. ..... 34
5.3.Sơ đồ hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu ..... 40
5.3.1.Sơ đồ hạch toán TGTGT được khấu trừ : ..... 40
5.3.2.Sơ đồ hạch toán TGTGT phải nộp NSNN ..... 41
5.3.3. Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp: ..... 41
5.3.3. Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp: ..... 42
5.4. Tổ chức sổ kế toán: ..... 43
**PHẦN II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI** ..... 44
1.Tổng quan về Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại ..... 44
1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ..... 44
1.2. Chức năng nhiệm vụ của Công ty ..... 46
1.3 Đặc điểm cỏ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty : ..... 47
1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại ..... 50
1.4 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại ..... 51
1.4.1. Đặc điểm bộ máy tổ chức kế toán tại Công ty : ..... 51
1.4.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán ..... 52
2. Tình hình thực hiện công tác Kế Toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại Công ty Cổ

phần Nhiệt Điện Phả Lại. ..... 54
2.1.Các mức thuế suất: ..... 54
2.1.1.Mức Thuế suất 5%: ..... 54
2.1.2.Mức Thuế suất 10%: ..... 55
2.2 Tài khoản sử dụng,sổ sách kế toán và sơ đồ hạch toán: ..... 55
2.2.1.Tài khoản sử dụng : ..... 55
2.2.2.Sổ sách kế toán : ..... 55
2.2.3.Sơ đồ hạch toán : ..... 56
2.2.4.Ví dụ : ..... 57
2.3.Quy Trình Lập Tờ Khai Thuế GTGT bằng Phần Mềm : ..... 65
2.4.Một Số Quy Định Chung và Phương Pháp lập Tờ Khai Thuế GTGT : ..... 75
2.4.1.Một số quy định chung : ..... 75
2.4.2.Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng ( mẫu số 01/GTGT ) ..... 76
**PHẦN III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI** ..... 81
3.1.Đánh Giá Thực Trạng Kế Toán Thuế Giá Trị Gia Tăng tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại. ..... 81
3.1.1.Ưu Điểm : ..... 81
3.1.2. Hạn chế : ..... 83
3.2.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại : ..... 86
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện. ..... 86
3.2.2. Mục đích, yêu cầu, phạm vi, nguyên tắc của hoàn thiện. ..... 87
3.2.3. Những ý kiến hoàn thiện ..... 88
**KẾT LUẬN** ..... 97
**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO** ..... 98